

DỰ THẢO

BÁO CÁO
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
QUY HOẠCH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Mục lục

TT	Cơ quan/Đơn vị góp ý	Trang
A	Các chuyên gia phản biện	
1	TS. Nguyễn Bá Ân	1
2	PGS.TS. Phạm Trung Lương	11
3	PGS.TS. KTS. Trần Trọng Hanh	15
4	PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh	21
5	TS. Đặng Kim Sơn	31
6	GS.TS. Đào Xuân Học	40
B	Các Bộ và cơ quan ngang Bộ	
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	46
2	Bộ Ngoại Giao	51
3	Bộ Quốc phòng	52
4	Bộ Công An	53
5	Bộ Tài nguyên và Môi trường	55
6	Bộ Xây dựng	59
7	Bộ Tài chính	61
8	Bộ Giao thông vận tải	61
9	Bộ Công thương	62
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	62
11	Bộ Khoa học và Công nghệ	64
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	70
13	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	70
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	72
15	Bộ Tư pháp	77
16	Bộ Nội vụ	78
17	Bộ Giáo dục và Đào tạo	78
18	Bộ Y tế	79
19	Ủy ban Dân tộc	80

TT	Ý kiến góp ý	Giải trình
A	Ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện	
I	TS. Nguyễn Bá Ân	
1	Nhận xét chung	
1.1	Báo cáo tổng hợp Quy hoạch vùng khá đầy đủ, chi tiết, tuy nhiên Báo cáo còn nặng về mô tả, thiếu những nhận định, đánh giá tổng quát, làm đậm nét, làm rõ đặc thù của về vị trí địa kinh tế - chính trị; đặc điểm địa hình, khí hậu thủy văn; đặc điểm kinh tế; đặc điểm xã hội, cũng như thực trạng và tiềm năng phát triển; nhận định đánh giá làm rõ điểm những điểm nghẽn... quá đó, tăng tính thuyết phục và khả thi, phù hợp của việc đề xuất các kịch bản phát triển và các quan điểm chỉ đạo, các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và định hướng quy hoạch phát triển các ngành: Lâm nghiệp, Nông nghiệp, công nghiệp và tổ chức không gian phát triển theo các tiểu vùng, vùng động lực, các vành đai, hành lang và các cực tăng trưởng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung, chỉnh sửa làm rõ thêm các đánh giá trong báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
1.2	Những nhận xét, nhận định, đánh giá, đề xuất phát triển mới chỉ dừng lại ở mức độ chung cho cả vùng, mà vùng này có đặc điểm rất khác nhau theo các tiểu vùng, do đó nếu được cụ thể hóa, chi tiết hơn tới từng tiểu vùng, nêu bật được đặc thù theo 3 tiểu vùng của vùng sẽ xác định rõ và thuyết phục hơn về những điểm nghẽn, hạn chế, yếu kém, khó khăn, thách thức và các nguyên nhân để tập trung giải quyết trong quy hoạch vùng.	Việc đánh giá theo tiểu vùng đã được thực hiện ở một số nội dung, tuy nhiên để rõ hơn nhóm biên soạn sẽ rà soát và bổ sung đánh giá cho phù hợp.
2	Về vị trí địa lý, yếu tố điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng	
2.1	Từ trang 29 đến trang 63 Báo cáo đã nêu khá đầy đủ, chi tiết về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng. Tuy nhiên, báo cáo chủ yếu mới là mô tả, nếu trong mỗi tiểu mục có thêm, nhận định,	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

	<p>đánh giá tổng quát để làm nổi bật, làm rõ được các yếu tố đặc thù về đặc điểm địa hình phức tạp, đa dạng; đặc điểm khí hậu thủy văn tiềm ẩn nhiều yếu tố thiên tai; những tác động tích cực, tiêu cực của điều kiện tự nhiên, môi trường đối với sự phát triển kinh tế-xã hội; khả năng khai thác sử dụng các tài nguyên thiên nhiên... Đặc điểm địa hình phức tạp, nhiều núi cao, dốc, có nhiều núi đá vôi nên không thuận lợi cho việc phát triển các ngành dân sinh kinh tế, đặc biệt là cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt; không thuận lợi cho nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tạo ra sự manh mún diện tích đất sản xuất nông, lâm nghiệp và dễ gây ra hiện tượng rửa trôi, xói mòn, sạt lở đất trong mùa mưa; gây ảnh hưởng lớn đến đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông dẫn đến chi phí đầu tư cao, việc giao lưu hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, đây lại là điều kiện thuận lợi để hình thành các sông suối, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thủy điện với các hình thức đập dâng, kênh dẫn và có nhiều cảnh quan đẹp để phát triển du lịch. Vì vậy, công tác quy hoạch cần có những biện pháp sử dụng đất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trong vùng; cần có sự kết hợp trong khai thác các tiềm năng, thế mạnh và các lợi thế của từng tiểu vùng để tạo thành thế mạnh chung của toàn vùng trong phát triển kinh tế xã hội.</p>	
2.2	<p>Về vị trí địa chính trị, là vùng có đường biên dài với Trung Quốc và Lào ở phía Bắc và Đông Bắc, có các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ, cùng nhiều lối mở, cặp chợ biên giới tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại và du lịch phát triển. Với vị trí nằm ở cửa ngõ giao lưu hàng hóa từ Vân Nam, Quảng Tây và các tỉnh Tây, Tây Nam Trung Quốc (Trùng Khánh, Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu) ra biển và đến các nước ASEAN, việc mở các tuyến đường qua vùng sẽ rút ngắn đáng kể chi phí vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp hai nước.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>

2.3	<p>Ngoài ra, đối với vùng cũng nên bổ sung thêm yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, xã hội, dân cư, dân tộc. Vùng là nơi giàu truyền thống lịch sử và văn hoá, giữ vị trí trọng yếu nơi biên cương Tổ quốc, ngay từ thời kỳ đầu dựng nước, là bức "phên dậu" vững chắc của cả nước, được coi là chiếc nôi văn hóa với nhiều dân tộc anh em đã chung sống, gắn bó lâu đời và cùng chung tay xây đắp nền văn hóa đậm đà, vừa đa dạng vừa thống nhất. Đây là vùng đất hội tụ nhiều nhóm ngôn ngữ – tộc người thiểu số, mỗi dân tộc đều có tiếng nói, chữ viết và bản sắc văn hóa riêng. Sự khác biệt và giàu sắc thái văn hóa không làm suy giảm tính thống nhất của văn hóa bản địa, tộc người và ý thức tộc người. Ở chừng mực nào đó còn làm tăng thêm và củng cố tính thống nhất thông qua sự đa dạng các sắc thái văn hóa của các địa phương. Đây là một lợi thế lớn của vùng trong phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái nhân văn.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
3	<p>Về đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du miền núi phía Bắc</p>	
3.1	<p>Nội dung đánh giá hiện trạng kinh tế-xã hội, viết khá tốt, đề cập khá đầy đủ, hệ thống số liệu phong phú để minh chứng, có so sánh với các vùng khác cả về quy mô, tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, khai thác và sử dụng nguồn lực; hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng; hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng; hiện trạng liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; hiện trạng đảm bảo quốc phòng an ninh...</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
3.2	<p>Tuy nhiên, cũng nên rà soát lại để làm rõ bản chất thực sự của các một số một số nhận định, đánh giá về thực trạng phát triển của vùng, ví dụ: đánh giá tốc độ tăng trưởng GRDP của vùng cao nhất so với các vùng trong cả nước, song thực chất chỉ tập trung vào 3 tỉnh có lợi thế về kết cấu hạ tầng, môi trường đầu tư để thu hút được FDI như Bắc Giang, Thái Nguyên, Lào Cai, còn nhiều tỉnh có điều kiện còn khó khăn như Lai</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>

	Châu, Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng tốc độ tăng trưởng rất thấp, trong nhóm 10 tỉnh thấp nhất cả nước...	
3.3	Về hiện trạng phát triển các tiểu vùng, các hành lang kinh tế: Hiện trạng phát triển các tiểu vùng nên phân tích, đánh giá theo 03 tiểu vùng: (1) Tiểu vùng Tây Bắc gồm Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên; (2) Tiểu vùng giữa gồm Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang; (3) Tiểu vùng Đông Bắc gồm Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung đánh giá vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
3.4	Về phân tích SWOT xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức Báo cáo còn giản trải, chưa thực sự rõ và chính xác, nên rà soát lại để làm rõ hơn. Cần lưu ý thế mạnh về rừng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng; vùng nguyên liệu (nông lâm sản, khoáng sản...); tài nguyên du lịch; có đường biên và nhiều cửa khẩu với Trung Quốc, là đất nước rất phát triển và là thị trường lớn; địa bàn phân bố công nghiệp gắn với vùng Thủ đô Hà Nội...	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung làm rõ sau hội nghị thẩm định.
3.5	Các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng cần lưu ý phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông liên kết nội vùng (các tuyến giao thông kết nối ngang) và liên vùng (các trục giao thông kết nối vùng với Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và với Trung Quốc và Lào...	Thống nhất với ý kiến góp ý. Hiện tại báo cáo quy hoạch cũng đang cơ bản thể hiện các nội dung này.
4	Về phương hướng phát triển vùng	
4.1	Mục VI trang 308 về dự báo xu thế và kịch bản phát triển theo logic nên đưa về Phần III.	Tiếp thu ý kiến góp ý, nghiên cứu chỉnh sửa báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
4.2	Về nội dung các quan điểm phát triển vùng đã quán triệt được quan điểm phát triển vùng theo Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và có bổ sung thêm quan điểm về tổ chức không gian phát triển vùng... Tôi cho nội dung các quan điểm phát triển vùng báo cáo đưa ra cơ bản là phù hợp, tuy nhiên nên biên tập lại các quan điểm cho rõ, nổi bật tư tưởng	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

	<p>chính sẽ thuyết phục hơn. Ví dụ: Quan điểm (1) nên đưa: Vùng phải là vùng phát triển nhanh và bền vững là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về Kinh tế - Xã hội mà trước hết về chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của các địa phương trong vùng (quan điểm 1 của Nghị quyết 11/NQ-TW). Bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội cả nước và các quy hoạch cấp quốc gia; chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tang trưởng xanh...(2) Tập trung nguồn vốn đầu tư nhà nước để phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và các địa bàn xa xôi, đặc biệt khó khăn, đóng vai trò trọng yếu về quốc phòng, an ninh...</p>	
4.3	<p>Quan điểm phát triển vùng đến đổi mới tư duy phát triển, nhất là về liên kết vùng, tiểu vùng; về cơ chế, chính sách đặc thù; về phân bổ nguồn lực; về nguồn nhân lực và tiềm năng, lợi thế nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, các tiểu vùng và từng tỉnh trong vùng, tiểu vùng; giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng; các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tiểu vùng. Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống cách mạng, lòng yêu nước; tinh thần chủ động, sáng tạo; ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, không cam chịu đói nghèo, thua kém các tỉnh khác, vùng khác.</p>	<p>Thống nhất với ý kiến góp ý.</p>
4.4	<p>Về mục tiêu tổng quát, mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể quy hoạch đưa ra là phù hợp, phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững hơn; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng đạt mức cao hơn bình quân chung của cả nước trên cơ sở từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng.</p>	<p>Thống nhất với ý kiến góp ý.</p>
4.5	<p>Về nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển vùng, Báo cáo Quy hoạch đề ra đầy đủ, đồng bộ các nhiệm vụ, đột phá phát triển đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên đối với vùng, cần lưu ý yêu cầu đột phá về thể chế chính sách để thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn lực, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng để phát triển nhanh</p>	<p>Các nội dung về thể chế không thuộc phạm vi quy hoạch vùng, nên đề xuất không bổ sung thêm.</p>

	<p>và bền vững kinh tế vùng; về phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.; nhu cầu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng...theo 3 tiêu vùng để thực hiện mục tiêu đưa ra mà Nghị quyết 24 đề ra, nhất là mạng lưới giao thông, không chỉ đường cao tốc mà cả các đường quốc lộ kết nối các tỉnh liền kề với nhau phải coi là khâu đột phát quan trọng trong phát triển vùng.</p>	
4.6	<p>Về xác định các ngành có lợi thế. Để xác định được các ngành có lợi thế nên phân tích, nhấn mạnh các yếu tố nguồn lực đặc thù của vùng, gợi ý như sau: (1) vùng có vị trí địa lý – kinh tế chính trị chiến lược cực kỳ quan trọng, “phên dậu” phía Bắc của Tổ quốc, có hơn 1500 km biên giới với Trung Quốc tiếp giáp một khu vực phát triển nhanh, năng động và khoảng 560 km biên giới với Lào. Vùng có 7 cửa khẩu quốc tế, 10 cửa khẩu quốc gia và nhiều các cửa khẩu phụ, lối mở... là lợi thế rất lớn của vùng về phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại quốc tế; (2) giáp Thủ đô Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng có trình độ phát triển cao của cả nước, lại là vùng nguyên liệu có tài nguyên khoáng sản phong phú, tài nguyên rừng lớn, cây trồng, vật nuôi đa dạng, đặc thù thuận lợi để phát triển kinh tế lâm nghiệp và kinh tế nông nghiệp... lợi thế của vùng là hình thành vành đai công nghiệp lớn trở thành không gian phát triển đô thị công nghiệp mở rộng của Thủ đô Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng; (2) địa hình tự nhiên phong phú, đa dạng, nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, là lõi văn hóa đặc sắc của nhiều dân tộc và nhiều địa danh văn hóa, lịch sử gắn với quá trình phát triển của dân tộc... là lợi thế để phát triển du lịch đa dạng;...</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
4.7	<p>Về định hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển các ngành có lợi thế không nên tác thành 3 mục 1.3 (trang 348), mục 2 (trang 351) và mục 3 (trang 360) mà nên gắn định hướng phát triển, tổ chức không gian và giải pháp với nhau sẽ rõ và có sức thuyết phục hơn. Phần này cũng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>

	<p>nên rà soát, bổ sung thêm cho phù hợp hơn: lưu ý hành lang phát triển công nghiệp Bắc Giang – Thái Nguyên - Tuyên Quang – Phú Thọ - Yên Bái – Hòa Bình. Về sản phẩm du lịch (trang 357) không thấy nói đến khu vực Lào Cai – Sa Pa – Bắc Hà – Lai Châu. Về hành lang phát triển du lịch Cao Bằng – Tuyên Quang – Phú Thọ - Hà Nội nên xem xét lại có hợp lý không? Bắc Kạn nằm ở đâu? Về khu du lịch Pắc Pó (Cao Bằng) đã Nhà nước công nhận là Khu du lịch đặc biệt cấp quốc gia sao không thấy nhắc gì ở đây?</p>	
4.8	<p>Về kinh tế cửa khẩu và các khu kinh tế cửa khẩu là lợi thế rất lớn của vùng, nhưng báo cáo chỉ có 11 dòng (trang 360) nên bổ sung thêm cho rõ và đậm nét hơn. Tập trung phát triển khu kinh tế cửa khẩu thực sự trở thành một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của các tỉnh miền núi phía Bắc và có khả năng gắn kết được với các địa phương khác để tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch động lực của toàn vùng trung du miền núi phía Bắc; là một trong những trung tâm giao thương của Việt Nam và khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo định hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực và là điểm đột phá về kinh tế của các tỉnh miền núi phía Bắc. Đồng thời, bảo đảm vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia. Các Khu kinh tế cửa khẩu được phát triển theo mô hình chuỗi kết nối trên tuyến hành lang biên giới và gắn với các hành lang kinh tế của vùng kết nối trực tiếp với hệ thống cửa khẩu của Trung Quốc và kết nối với trung tâm kinh tế của vùng.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
4.9	<p>Ngoài ra, cũng cần làm rõ hơn quy mô và bố trí không gian phát triển một số cây trồng có lợi của vùng (cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, nguyên liệu gỗ...) nằm tại các địa bàn nào, nhất là với các sản phẩm nông sản chính, sản xuất hàng hóa quy mô lớn của vùng, cần đánh giá khả năng cạnh tranh là một nhiệm vụ quan trọng của quy hoạch vùng là</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>

	xác định quy mô tối đa các sản phẩm sản xuất lớn để tránh cung vượt cầu trong cả nước.	
4.1	Về phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, cũng nên xác định rõ các cơ sở hạ tầng chính, các trung tâm chế biến, hệ thống logistics để có thể khai thác hiệu quả sản phẩm Lâm Nghiệp, sản phẩm phi gỗ, dược liệu dưới tán rừng và dịch vụ từ rừng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
5	Về phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng	
5.1	Về phương hướng bảo vệ môi trường, nguồn nước, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ rất quan trọng của vùng vì vị trí đầu nguồn nước và tiềm ẩn nhiều yếu tố thiên tai. Tôi cho rằng các nội dung này trong báo cáo quy hoạch là phù hợp.	Ý kiến nhận định nội dung trong báo cáo là phù hợp.
5.2	Về tổ chức không gian phát triển vùng tôi có một số ý kiến lưu ý như sau:	
5.2.1	Về phân chia Tiểu vùng, nên chia theo 03 tiểu vùng sẽ phù hợp: (1) Tiểu vùng Tây Bắc gồm Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên; (2) Tiểu vùng giữa gồm Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang; (3) Tiểu vùng Đông Bắc gồm Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng.	Việc phân chia theo 04 tiểu vùng đã được báo cáo xin ý kiến các địa phương và Hội đồng điều phối vùng, do đó, xin kiến nghị giữ nguyên đề xuất.
5.2.2	Về vùng động lực phát triển: Vùng động lực phát triển của vùng nên xác định là: Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình và Sơn La;	Trong giai đoạn quy hoạch, vùng động lực được xác định là các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ và phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia. Sau khi các hạ tầng quan trọng như cao tốc Hòa Bình - Sơn La, vành đai 5, hay tuyến vành đai logistics song song với QL37 được thực hiện thì mới mở ra cơ hội bứt tốc tăng trưởng cho các tỉnh như Yên Bái, Hòa Bình, Sơn La.

5.2.3	<p>Về các hành lang kinh tế, Vùng có 5 tuyến gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành lang phát triển Hà Nội – Bắc Giang – Lạng Sơn nằm trên hành lang kinh tế Bắc – Nam của cả nước và nên kéo dài thêm đến Cao Bằng (ra cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh). Khi hoàn thành Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh mở ra thêm hành lang Lạng Sơn – Trà Lĩnh sẽ là tuyến kết nối quan trọng gắn kết với các tỉnh vùng Tây Nam Trung Quốc (Bắc Sắc, Trùng Khánh...), đây là vùng đang phát triển mạnh trong chiến lược phát triển của Trung Quốc. Hành lang này có các cửa khẩu quốc tế Chi Ma, Hữu Nghị, Tân Thanh (Lạng Sơn), Tà Lùng, Trà Lĩnh (Cao Bằng) gắn với tỉnh Quảng Tây và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc. - Hành lang kinh tế Hà Nội – Việt Trì – Yên Bái – Lào Cai nằm trong hành lang Đông – Tây Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng nên mở rộng thêm hành lang Lào Cai – Sapa – Lai Châu; Hành lang này có các cửa khẩu Lào Cai, Ma Lù Thàng (Lai Châu) gắn với Vân Nam (Trung Quốc). - Hành lang Hà Nội – Việt Trì - Tuyên Quang- Hà Giang có cửa khẩu Thanh Thủy (Hà Giang) gắn với Châu Vân Sơn của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). - Hành lang kinh tế Hà Nội – Hòa Bình – Điện Biên Phủ tới cửa khẩu Tây Trang gắn với phía Bắc Cộng hòa nhân dân Lào. - Hành lang kinh tế Hà Nội – Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng tới cửa khẩu Trà Lĩnh và Sóc Giang của Cao Bằng gắn với các tỉnh Tây Nam (Trung Quốc); 	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ làm rõ thêm hành lang Hà Nội - Việt Trì - Tuyên Quang - Hà Giang.
5.3	<p>Về vành đai kinh tế, nên nhấn mạnh vai đại động lực công nghiệp-đô thị Bắc Giang – Thái Nguyên – Phú Thọ - Yên Bái – Hòa Bình – Sơn La theo cả vành đai 5 của Hà Nội và Quốc lộ 37, đây là không gian phát triển đô thị mở rộng của vùng Thủ đô Hà Nội, việc xây dựng sớm vành đai 5 của thành phố Hà Nội sau khi xây dựng thành đường cao tốc kết nối Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình cho phép gắn kết vùng</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	Trung du là khu công nghiệp phát triển hiện đại, quy mô lớn trong tương lai, cũng gắn liền hệ thống đô thị để phục vụ cho các khu công nghiệp và giảm tải cho Hà Nội.	
5.4	Vành đai Biên Giới: để thực hiện các chức năng an ninh, quốc phòng và an sinh, kinh tế cửa khẩu,... bổ sung làm rõ thêm định hướng phát triển về bố trí dân cư, bố trí sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, về phát triển kinh tế của khẩu...	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
5.5	Về phát triển những vùng đặc biệt khó khăn, nên nhấn mạnh thêm các chính sách riêng và có sự hỗ trợ trong đời sống văn hoá, giảm hủ tục và hướng dẫn cách làm ăn.	
6	Về phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông : Hạ tầng giao thông và kết nối nội vùng, liên vùng là một điểm nghẽn lớn nhất đối với vùng. Bám sát quan điểm chỉ đạo Vùng phải là vùng phát triển nhanh và bền vững là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về Kinh tế - Xã hội mà trước hết về chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của các địa phương trong vùng (quan điểm 1 của Nghị quyết 11/NQ-TW). Tập trung nguồn vốn đầu tư nhà nước để phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và các địa bàn xa xôi, đặc biệt khó khăn, đóng vai trò trọng yếu về quốc phòng, an ninh... Do đó, quy hoạch sẽ xác định rõ định hướng đến năm 2030 cơ bản cải thiện 5 tuyến giao thông quan trọng kết nối vùng với Thủ đô Hà Nội với các cửa khẩu quốc tế, đồng thời từng bước triển khai phát triển các tuyến giao thông kết nối ngang. Như vậy trước năm 2030 phải hoàn thành hoặc khởi công xây dựng 2 tuyến đường sắt khổ 1435 Đồng Đăng – Hà Nội và Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng. Các tuyến đường bộ Cao tốc: Chi Lăng – Hữu Nghị - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Chợ Mới – Bắc Kạn – Cao Bằng; Tuyên Quang – Hà Giang, sau năm 2030 tiền cao tốc kéo tới của khẩu Thanh Thủy; tuyến tiền cao tốc Sapa – Lai Châu; Hòa Bình – Mộc Châu – Sơn La – Điện Biên Phủ, sau năm 2030 tiền cao tốc kéo tới cửa khẩu	Tiếp thu góp ý. Các đề xuất này đã được trình bày trong định hướng phát triển hạ tầng giao thông

	Tây Trang. Khởi công các tuyến giao thông kết nối liên vùng Lạng Sơn – Quảng Ninh và Bắc Giang Quảng Ninh; Hòa Bình – Thanh Hóa.	
7	Về giải pháp thực hiện quy hoạch: Báo cáo chỉ có khoảng 19 trang về giải pháp là đơn giản, theo quy định để thực hiện quy hoạch, giải pháp thực hiện cũng là một trong những nội dung quan trọng, do đó cần nghiên cứu bổ sung, nhất là nhóm giải pháp đặc thu về cơ chế, chính sách, đây là giải pháp đầu tiên quan trọng nhất để huy động, tập trung nguồn lực giải quyết các điểm nghẽn về đầu tư hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế của khẩu...	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
8	Hệ thống bản đồ, sơ đồ quy hoạch: Cần rà soát, chỉnh sửa lại theo đúng quy định theo tên từng loại bản đồ, những nội dung cần trình bày các thông tin không gian dưới dạng bản đồ, từ phần đánh giá tài nguyên, phân tích hiện trạng, đến bố trí phương án phát triển và giải pháp trong tương lai nên thể hiện rõ hơn.	Tiếp thu ý kiến góp ý và rà soát, chỉnh sửa hồ sơ bản đồ
II	PGS.TS. Phạm Trung Lương	
1	Cần rà soát một cách có hệ thống các căn cứ pháp lý quan trọng liên quan đến những định hướng phát triển vùng như: Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; v.v.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
2	Phương án phát triển không gian vùng: cần luận giải và làm rõ có hay không trung tâm vùng và trung tâm các tiểu vùng bên cạnh khái niệm về	Các trung tâm tiểu vùng trong báo cáo quy hoạch là các hạ tầng dùng chung, phục vụ nhiều tỉnh

	“trung tâm” chuyên ngành của vùng như trung tâm công nghiệp, trung tâm chế biến,...? Liên quan đến vấn đề này cần xác định tiêu chí của trung tâm vùng, trung tâm tiểu vùng và trung tâm chuyên ngành.	
3	Việc xác định một số ngành có lợi thế phát triển của vùng là rất quan trọng để đảm bảo tính hiệu quả của đầu tư trong điều kiện hạn chế nguồn lực đầu tư đối với phát triển vùng. Những tiêu chí được đưa ra để xác định những ngành lợi thế về cơ bản là phù hợp, tuy nhiên cần cân nhắc bổ sung thêm một số tiêu chí: 1) ngành quan trọng là ngành mà sự phát triển sẽ có hiệu quả tích cực đối với hoạt động liên kết giữa các địa phương, tạo ra được chuỗi giá trị sản phẩm mang tính vùng; 2) ngành quan trọng là ngành mà sự phát triển phù hợp với xu hướng “cầu” của thị trường, đặc biệt là thị trường khu vực và quốc tế; 3) ngành quan trọng là ngành mà sự phát triển sẽ góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, đem lại nhiều việc làm cho xã hội (điều này rất quan trọng đối với vùng mà tỷ lệ nghèo, cận nghèo còn cao như vùng).	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
4	Dựa trên hệ thống tiêu chí cần khẳng định các ngành/ hay phân ngành kinh tế cấp 2 có lợi thế được lựa chọn và đưa ra tại trang 347 (chưa khẳng định rõ ràng. Ví dụ ngành công nghiệp thì đó là ngành nào: điện tử, máy tính? Hay quang học? hay sản xuất bán dẫn? thiết bị điện?...” cụm ngành lâm nghiệp” thì cụ thể ngành nào: chế biến gỗ hay lâm sản ngoài gỗ?... tương tự là). Lưu ý: để đảm bảo tính hệ thống và thống nhất của báo cáo, những ngành sau khi được lựa chọn sẽ là những ngành cần đưa ra phương hướng phát triển (Mục 1.3 “Định hướng phát triển các ngành có lợi thế”, trang 348-351). Nội dung này quá sơ sài và không rõ ràng, thiếu tính thống nhất về phương án. Ví dụ ngành du lịch chỉ có định hướng phát triển mà thiếu mục tiêu, trong khi ngành nông nghiệp là có mục tiêu (tốc độ tăng trưởng giá trị giai đoạn đến năm 2030)	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
5	Việc xác định “Nguồn nhân lực” là một trong những “Đột phá” của vùng trong thời kỳ quy hoạch là hoàn toàn đúng, tuy nhiên trong nội dung của	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

	<p>báo cáo những định hướng phát triển nguồn nhân lực của vùng chưa thể hiện rõ ràng về quy mô và cơ cấu nguồn nhân của vùng như thế nào giai đoạn đến năm 2030 để tạo được sự đột phá, khai thông một trong những “điểm nghẽn” lớn của vùng? định hướng nâng cao năng lực đào tạo các cơ sở đào tạo hiện có (hoặc xây mới, hoặc liên kết) để đáp ứng nhu cầu nhân lực? Giải pháp về phát triển triển nguồn nhân lực (Tiểu mục 6, Mục IX “Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch”, trang 597-598) còn rất mờ nhạt, rất chung chung và có nội dung lặp lại (trùng lặp) với phương hướng phát triển khu vực đào tạo – nghiên cứu (Mục 4.4, trang 423-424).</p>	
6	<p>Nội dung “Xác định danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện” (Mục VIII, trang 574-588) còn chưa đáp ứng được kỳ vọng. Về mặt nguyên tắc, các dự án ưu tiên đầu tư cần tập trung để tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong phát triển và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch vùng, tuy nhiên danh mục các dự án ưu tiên đầu tư mới chỉ thể hiện các dự án chủ yếu trong lĩnh vực giao thông vì vậy chưa đáp ứng được yêu cầu. Cần bổ sung một số dự án ưu tiên đầu tư mang tính vùng để tháo gỡ điểm nghẽn về “nguồn nhân lực” và tạo đột phá cho một số ngành có lợi thế để thúc đẩy tăng trưởng GDP của vùng và tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người dân, đặc biệt cộng đồng dân tộc thiểu số của vùng.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định</p>
7	<p>Hệ thống các giải pháp thực hiện quy hoạch còn khá chung chung, đặc biệt đối với các giải pháp để thực hiện các “đột phá” của vùng. Lưu ý đối với giải pháp về chính sách phát triển vùng; giải pháp về hợp tác quốc tế để tận dụng nguồn lực về tài chính, công nghệ, kinh nghiệm cho phát triển vùng.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định</p>
8	<p>Cần rà soát các sơ đồ để đảm bảo có sự thống nhất giữa nội dung thể hiện và nội dung chú giải. Ví dụ trên sơ đồ về phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng tại nội dung chú giải không có ranh giới các tiểu vùng; không có chú giải hành lang kinh tế, ...</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa lại hồ sơ bản đồ theo ý kiến góp ý</p>

9	<p>Đối với nội dung về du lịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc phân tích hiện trạng du lịch (Mục 1.1.5.4, trang 130-139) là khá đầy đủ, tuy nhiên đứng từ góc độ vùng, một số vấn đề cần được làm rõ hơn gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Hiện trạng về sản phẩm du lịch đặc thù. + Hiện trạng thị trường du lịch (quốc tế và nội địa) + Hiện trạng hoạt động xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch vùng + Nội dung về “Đánh giá chung” thực trạng du lịch cần viết gọn lại và quan trọng là xác định rõ “điểm nghẽn” của du lịch vùng khi tỷ lệ khách và thu nhập du lịch còn rất khiêm tốn so với cả nước. Liên quan đến vấn đề này cần xác định lại tỷ lệ khách và thu nhập du lịch của vùng so với toàn quốc tại Bảng 28, trang 131 vì có sự nhầm lẫn về bản chất con số - Về phương hướng phát triển du lịch (Mục 1.3.3, trang 350-351) cần bổ sung một số chỉ tiêu phát triển cụ thể đến năm 2030 để đảm bảo tính tương đồng với ngành công nghiệp và nông nghiệp, ít nhất là chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng về khách và thu nhập du lịch." 	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
10	<p>Bên cạnh đó cần điều chỉnh lại nội dung về tổ chức không gian du lịch (mục 2.2.1, trang 357-360), để đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu chuyên ngành. Theo đó cần làm rõ: không gian chức năng du lịch; địa bàn trọng điểm du lịch, các tuyến du lịch (nội dung và liên vùng), chú trọng tuyến du lịch Tây Bắc (Hòa Bình-Sơn La-Điện Biên-Lai Châu- Lào Cai-Yên Bái) và tuyến du lịch Đông Bắc (Bắc Giang- Thái Nguyên- Bắc Kạn – Tuyên Quang – Hà Giang – Cao Bằng – Lạng Sơn). Liên kết với Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và liên kết với Trung Quốc qua các hành lang kinh tế.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
11	<p>Liên quan đến vấn đề này, cần điều chỉnh nội dung Sơ đồ “Phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng” và cần điều chỉnh lại</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

	nội dung sơ đồ “Hiện trạng phát triển du lịch” phù hợp với yêu cầu chuyên ngành	
III	PGS.TS. KTS. Trần Trọng Hanh	
1	Thành phần hồ sơ quy hoạch	
1.1	Báo cáo về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp về Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (Mới có Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp của chuyên gia, chưa có Báo cáo tiếp thu giải trình của Cơ quan lập quy hoạch).	Tiếp thu và bổ sung hồ sơ.
1.2	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, nhưng chưa có ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiếp thu ý kiến góp ý.
1.3	Ngoài ra, cần xem lại Ban Quản lý dự án có thể thay mặt Bộ Kế hoạch và Đầu tư, là cơ quan lập quy hoạch để ký vào hồ sơ trình thẩm định có đảm bảo cơ sở pháp lý hay không?	Tiếp thu ý kiến góp ý.
2	Nhận xét chung: Đề nghị bổ sung ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Báo cáo tiếp thu giải trình và hoàn chỉnh hồ sơ cơ sở dữ liệu trong quá trình lập hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh.	Tiếp thu ý kiến góp ý.
3	Nhận xét cụ thể	
3.1	Về bố cục và sắp xếp các nội dung trong Báo cáo quy hoạch	
3.1.1	Về bố cục: Bố cục chung nên bao gồm 03 phần: (i) Phần I: Mở đầu; (ii) Phần II: Nội dung Quy hoạch; bao gồm các phần II, III của Báo cáo; (iii) Phần III: Kết luận và Kiến nghị.	Tiếp thu ý kiến góp ý.
3.1.2	Về sắp xếp các nội dung	

a	Phần Mở đầu gồm 5 mục cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, các căn cứ lập quy hoạch không phù hợp với quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ chỉnh sửa báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
b	<p>Phần II: Phân tích, đánh giá thực trạng; các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.</p> <p>- Mục I: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên nên tách thành 4 tiểu mục: (i) vị trí địa lý; (ii) Điều kiện tự nhiên; (iii) Tài nguyên thiên nhiên; (iv) Đánh giá chung.</p> <p>- Mục II: Làm chính xác tên là “Thực trạng phát triển vùng Trung du và Miền núi phía Bắc”, trong đó: (i) Tiểu mục 1 làm chính xác lại là: “Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội”; (ii) Tiếp đó là tiểu mục 2: Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng; (iii) Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; (iv) Bổ sung hiện trạng phát triển hạ tầng xã hội; (v) Hiện trạng liên kết vùng; (vi) Hiện trạng nguồn lực của vùng; (viii) Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; (X) Hiện trạng công tác quốc phòng, an ninh có thể bố trí vào phần Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh ở mục 1.</p> <p>- Mục III: có thể đặt tên là “Đánh giá tổng hợp”. Nội dung mục III gồm 03 tiểu mục: (i) Xác định vị thế, vai trò của vùng; (ii) Phân tích SWOT; (iii) Xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng.</p> <p>- Mục IV: Nên tách ra thành một phần riêng. Không nên ghép với nội dung phần II, vì đây là nội dung dự báo, xác định tiền đề phát triển vùng.</p>	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu chỉnh sửa
c	Phần III: Phương hướng phát triển vùng Trung du và Miền núi phía Bắc nên chia thành 10 mục: (i) Mục I: Quan điểm và mục tiêu phát triển (làm chính xác lại tên) và (ii) Mục V: nên tách thành 2 mục: (i) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; (ii) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (không có chữ phân bố và chữ cấp vùng).	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu chỉnh sửa
3.2	Một số nội dung quan trọng cần tập trung nghiên cứu và giải quyết	

3.2.1	Đối với nội dung “Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù phát triển vùng”	
a	Về xác định vị thế, vai trò của vùng (trang 295). Nội dung này viết quá sơ sài và cần phải tách riêng 02 phạm trù: (i) Vị thế (Position) và (ii) Vai trò (Role). Đây là nội dung quan trọng cần được nghiên cứu kỹ hơn.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
b	Về phân tích, đánh giá các mặt mạnh, yếu, cơ hội và thách thức. Nhìn chung, các phân tích đánh giá đầy đủ, nhưng chưa bám sát vào Nghị quyết số 11-NQ/TW, trong đó vấn đề quan trọng nhất của Vùng vẫn là một vùng trũng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, mà các điểm nghẽn chủ yếu bao gồm: (i) Tư duy chậm đổi mới; (2) Nguồn lực phát triển hạn chế, chủ yếu trông chờ vào ngân sách nhà nước; (3) Chất lượng quy hoạch và thực hiện quy hoạch, đặc biệt là đầu tư thực hiện quy hoạch của Trung ương chưa tương xứng với vị thế và vai trò của vùng; (4) Các lợi thế và tiềm năng của vùng chưa được khai thác và phát huy; (5) Thể chế quản trị và chính sách phát triển vùng; (6) Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung làm rõ vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
c	Về xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng: Theo tôi, quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc nên tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau đây: (i) Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng theo hướng xanh, bền vững, toàn diện để thoát trũng, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng và với các vùng khác trong cả nước; (ii) Bảo vệ môi trường, đặc biệt là bảo vệ rừng, nguồn nước, an toàn sinh thái, đa dạng sinh học, xử lý tốt giữa bảo tồn và phát triển; (iii) Khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất phi nông nghiệp ít ỏi, sắp xếp và tổ chức lại không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và nông thôn theo hướng bền vững, xanh và thông minh, bản sắc rõ ràng; (iv) Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại và bền vững; (v) Tăng	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	<p>cường liên kết vùng; (vi) Quản trị và điều phối vùng; (vii) Đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự và an toàn xã hội; (viii) Huy động vốn cho các dự án ưu tiên; dự án có tính đột phá và hình thành được khu vực có vai trò động lực phát triển của vùng.</p> <p>Chất lượng và phát triển nguồn nhân lực đúng là một vấn đề lớn, nhưng một khi vùng vẫn là khu vực trũng của cả nước, thì vấn đề này cũng không thể giải quyết được?</p>	
3.2.2	Về xu thế và các kịch bản phát triển vùng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
a	Về kinh tế, việc lựa chọn kịch bản 2 với tốc độ tăng trưởng từ 8,5 – 9,0%, cao hơn chỉ tiêu xác định trong Nghị quyết 11 - NQ/TM là 8 – 9%, cần được luận chứng xác định chỉ tiêu cụ thể và tính khả thi, không nhất thiết tối thiểu là 8,5%, theo kịch bản này, yêu cầu tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phải đạt 16,7% trung bình năm với khối lượng vốn đầu tư ước tính khoảng 244 tỷ USD trong đó tỷ trọng vốn NSNN giảm từ 29,2% xuống chỉ còn 25%. Đây là 01 thách thức lớn đối với vùng trong điều kiện phát triển còn tiềm ẩn những khó khăn và bất lợi. Ngoài ra, trong thời kỳ quy hoạch khả năng huy động vốn chủ yếu vẫn tập trung vào khu vực trọng điểm và một số hành lang giữ vai trò động lực.	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
b	Ngoài kịch bản phát triển kinh tế, đề nghị bổ sung các kịch bản về phát triển không gian và dân số.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung
3.2.3	Về phương hướng phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch.	
a	Đánh giá chung: Báo cáo đã nêu đầy đủ các phương hướng theo quy định của pháp luật và yêu cầu về nội dung theo Nhiệm vụ lập Quy hoạch. Tuy nhiên, các phương hướng phát triển nên bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm và các điểm nghẽn đã được xác định trong Nghị quyết 11 - NQ/TW của Bộ Chính trị.	Tiếp thu ý kiến góp ý.

b	<p>Về quỹ đất phi nông nghiệp: Về đánh giá tiềm năng, lợi thế phát triển, đề nghị bổ sung đánh giá kỹ về tiềm năng đất phi nông nghiệp; hiện trạng sử dụng và khả năng phát triển để xây dựng phát triển vùng. Hiện nay, đất phi nông nghiệp của vùng là 648.464 ha; chỉ chiếm 6,8% đất tự nhiên của vùng. Tuy nhiên, dư địa đất phi nông nghiệp thực tế của vùng không còn nhiều. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị nông thôn theo dự thảo quy hoạch đòi hỏi quỹ đất phi nông nghiệp phải gia tăng khoảng gấp đôi, ba lần. Đây là một thách thức lớn của Vùng, nếu tính toán không kỹ sẽ đưa ra các giải pháp không khả thi.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định. Tuy nhiên các nội dung về sử dụng đất không thuộc nội dung quy hoạch vùng theo quy định do đó sẽ không đi sâu</p>
c	<p>Về phương hướng xây dựng hệ thống đô thị: - Đề nghị bổ sung quan điểm và mục tiêu phát triển dựa trên Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị. - Về dự báo và triển vọng nhu cầu phát triển, đề nghị làm rõ các khái niệm của Bảng 75 (trang 398)? Ngoài ra, cần làm rõ tính khả thi của các chỉ tiêu phát triển hệ thống đô thị của Vùng: Năm 2020, dân số đô thị của vùng là 2.559,2 nghìn người với tỷ lệ đô thị hóa là 20%. Theo Bảng 75 (trang 398) quy mô dân số đô thị vùng sẽ tăng lên 7,597,804 nghìn người, đạt tỷ lệ đô thị hóa là 50%. Với dự báo này, tốc độ tăng trưởng dân số đô thị trong thời kỳ quy hoạch sẽ là 11,51% trung bình năm. So với giai đoạn 2015 – 2020, chỉ tiêu này chỉ đạt 3,8% trung bình năm. Như vậy, chỉ tiêu đô thị hóa 11,51% là quá cao, rất khó khả thi trong thời kỳ quy hoạch?</p>	<p>Sẽ bổ sung phần quan điểm phát triển dựa theo Nghị quyết 06-NQ/TW vào báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng hợp. Đối với dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển, Bảng 75 tổng hợp dự báo theo các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030. Tỷ lệ đô thị hóa toàn vùng ước tính khoảng 41%, phù hợp Nghị quyết 96/NQ-TW. Do các nghiên cứu quy hoạch đã đưa ra đánh giá các yếu tố kinh tế xã hội có thể tác động đến thay đổi tổng quy mô dân số từng địa phương và dân số đô thị, việc kế thừa kết quả tính toán này là có cơ sở.</p>
d	<p>Về phương hướng xây dựng hệ thống đô thị của vùng động lực: Vùng động lực bao gồm vành đai đô thị Hòa Bình – Việt Trì – Thái Nguyên – Bắc Giang, bám sát vành đai 4 của vùng Thủ đô Hà Nội. Trong Báo cáo, cần xác định rõ phương hướng phát triển hệ thống đô thị của vùng này, trên cơ sở phát triển vành đai đô thị - công nghiệp – dịch vụ, kết nối với các hành lang quan trọng của vùng, tạo ra động lực tăng trưởng và quy</p>	<p>Vùng động lực vành đai đô thị thể hiện vai trò kinh tế của các địa phương trong vùng. Phương hướng xây dựng đô thị của vùng đã có các định hướng cho các tiêu vùng về mặt quy hoạch không gian, quản lý và kiểm soát tăng trưởng, và một số nguyên tắc thiết kế và quy hoạch đô thị. Các giải pháp phát triển kinh</p>

	mô GRDP lớn cho vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Ngoài ra, cần có giải pháp kết nối với cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa) và cảng Hải Hà (Quảng Ninh).	tế và giao thông của các địa phương trong vùng động lực được trình bày ở những nội dung tương ứng có trong báo cáo.
e	Về phương hướng xây dựng nông thôn mới: Xây dựng nông thôn mới là một nội dung quan trọng của quy hoạch vùng. Nó gắn liền trực tiếp đến công tác định cư, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu. Xu hướng phát triển nông thôn của vùng gắn với các mô hình tổ chức sản xuất nông, lâm nghiệp, khai thác khoáng sản, du lịch và đặc điểm địa hình, sinh thái của từng khu vực trong vùng: Núi cao, vùng trung du và một phần vùng đồng bằng nhỏ hẹp. Do đó, nội dung này cần được nghiên cứu kỹ hơn.	Một số nội dung về nông thôn mới được trình bày riêng rẽ trong các mục về kinh tế, xã hội, và định cư nông thôn đáp ứng các yêu cầu về nguyên tắc phương hướng chung toàn vùng. Vùng có nhiều hoạt động kinh tế đa dạng, các loại hình định cư theo các yếu tố văn hóa dân tộc bản địa, dân tộc thiểu số, và địa hình. Do đó việc kết hợp cả các yếu tố kinh tế, định cư, văn hóa, và địa hình trong phần phương hướng xây dựng nông thôn chỉ dừng lại ở các nguyên tắc chung.
f	Về phân vùng kinh tế: Việc chia vùng Trung du và Miền núi phía Bắc thành 04 tiểu vùng gồm: (i) Tiểu vùng phía Tây; (ii) Tiểu vùng Tây Bắc; (iii) Tiểu vùng Đông Bắc và (v) Tiểu vùng phía Đông cần được luận chứng làm rõ hơn trên cơ sở 04 vùng địa lý tự nhiên – kinh tế hiện nay, gồm: (i) Vùng Tây Bắc; (ii) Vùng khu vực Hoàng Liên Sơn; (iii) Vùng Việt Bắc; (v) Vùng Đông Bắc, hệ thống các tiểu vùng này đã được các chuyên gia địa lý nghiên cứu khá kỹ, nên kế thừa kết quả nghiên cứu này. Với 04 tiểu vùng này, có thể xây dựng 04 đô thị trung tâm tương ứng là các thành phố Hòa Bình, Việt Trì, Thái Nguyên và Bắc Giang như đã được xác định tại Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020.	Việc phân chia theo 04 tiểu vùng đã được báo cáo xin ý kiến các địa phương và Hội đồng điều phối vùng, do đó, sẽ nghiên cứu làm rõ và liên kết với phương án phân vùng mà chuyên gia góp ý.
g	Về xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và khả năng huy động vốn. - Các dự án ưu tiên đầu tư phần lớn trùng với dự án cấp quốc gia, trong khi các dự án ưu tiên của vùng chưa được xác định rõ ràng. Ngoài ra,	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	<p>một số dự án của quy hoạch cũng không nên đưa vào danh mục dự án của vùng.</p> <p>- Nhu cầu vốn đầu tư ước tính khoảng 244 tỷ USD là rất lớn, trong đó vốn từ Ngân sách nhà nước chỉ chiếm 25%. Vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước mang tính dẫn dắt nhưng chỉ chiếm 25% là tỷ trọng khá nhỏ, rất khó khả thi cho toàn vùng, ngoại trừ khu vực động lực tăng trưởng. Cần tính lại nhu cầu vốn đầu tư thực tế trên cơ sở danh mục dự án ưu tiên đầu tư của Vùng.</p> <p>- Ngoài ra, cũng nên lựa chọn xác định một số dự án đầu tư chiến lược trong quy hoạch tỉnh có tính đột phá của vùng. Ví dụ như Vành đai đô thị - công nghiệp – dịch vụ Hòa Bình – Việt Trì – Thái Nguyên – Bắc Giang và 04 hành lang đô thị của 04 tiểu vùng Tây Bắc, Hoàng Liên Sơn, Việt Bắc và Đông bắc, để tạo ra sự phát triển đột phá cho toàn vùng.</p>	
h	<p>Về cụ thể hóa thể chế quản trị và cơ chế điều phối vùng: Trên cơ sở Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 55/QĐ-HDDP vùng Trung du và miền núi phía Bắc, trong Báo cáo Quy hoạch cần làm rõ hơn cơ chế điều phối vùng và thể chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng trong điều kiện không có chính quyền vùng và không có ngân sách cấp vùng.</p>	<p>Nội dung về thể chế không thuộc phạm vi quy hoạch theo quy định</p>
IV	PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh	
1	<p>Danh mục hồ sơ:</p> <p>Hiện nay danh mục hồ sơ đã có 5 báo cáo và dự thảo văn bản như liệt kê ở mục 1, thêm vào đó là 2 báo cáo khác liên quan đến giải trình góp ý.</p> <p>Đề nghị cơ quan tư vấn cần rà soát lại tính đầy đủ và yêu cầu theo Nghị định số 58//2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ trước khi trình Hội đồng thẩm định cấp vùng.</p>	<p>Hồ sơ xin ý kiến góp ý cơ bản đã bám sát yêu cầu. Sẽ tiếp tục rà soát và hoàn thiện theo ý kiến góp ý của chuyên gia</p>

2	Nhận xét, đánh giá chung về các phần liên quan đến môi trường trong các báo cáo của hồ sơ quy hoạch	
2.1	<p>Đối với "Dự thảo tờ trình thẩm định Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050".</p> <p>Liên quan đến mục tiêu về bảo vệ môi trường trang 11, đối chiếu với các chỉ tiêu về môi trường trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ Đại Hội XIII cơ bản là đủ và có những chỉ tiêu vượt như tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 54 – 55% (so với cả nước 42%). Tuy nhiên một số chỉ tiêu còn thiếu nên bổ sung như “giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính”; “100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn môi trường”.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
2.2	<p>Đối với “Báo cáo tổng hợp Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.</p> <p>- Đối với mục “2.4.3.1. Hạ tầng xử lý nước thải sinh hoạt” trang 455, nên bổ sung đối với khu vực đô thị có khu xử lý nước thải tập trung và thu hồi khí thải Mê Tan để sử dụng cho nhiên liệu đốt. Áp dụng công nghệ tuần hoàn nước.</p> <p>- Đối với mục “2.6. Hạ tầng khu xử lý chất thải” trang 461-462, nhóm tư vấn nên bổ sung thiết kế các mô hình “kinh tế tuần hoàn” đối với chất thải dựa vào thiết kế sinh thái đối với bãi chôn lấp chất thải.</p> <p>- Mục “VI. Phương hướng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng” trang 479- 507”, nhóm tư vấn nên bổ sung nội dung về “thích ứng với biến đổi khí hậu” của vùng thành một mục riêng, vì nội dung này chưa có.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
2.3	Đối với “Báo cáo đánh giá môi trường Chiến lược của Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.	

2.3.1	<p>Về cấu trúc bản báo cáo ĐMC: So với yêu cầu quy định chung các nội dung cần có đối với bản báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo phụ lục II, mẫu 1b thông tư 02/2022/TT-Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấu trúc báo cáo ĐMC của Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cơ bản đã đủ. Tuy nhiên tiêu đề các chương nên xem lại không có ĐMC của “Chiến lược”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định</p>
2.3.2	<p>Về nội dung: Để hoàn thiện thêm nội dung tôi có những góp ý sau: + Mục 1 “Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng quy hoạch” trang 1-2. Mục này nên bổ sung quy hoạch là cụ thể hóa của Chiến lược, do vậy cần phải đưa vào các Chiến lược liên quan đến vùng trung du và miền núi phía Bắc như “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030” liên quan đến vùng; Nghị quyết 11/NQ-TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 về “ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 11/NQ-TW ngày 10/02/2022”.</p> <p>+ Mục 2.1 “Căn cứ pháp luật” trang 2-5, mục này cần phải rà soát lại những văn bản pháp luật phù hợp với quy hoạch vùng, các văn bản không phù hợp nên loại bỏ ra như “Luật biển Việt Nam”; Hiện nay mới có một luật đa dạng sinh học năm 2008, nên xem lại luật “đa dạng sinh học” số 32/VBHN-VPQH, 2018 có đúng không?</p> <p>+ Mục 2.3 “tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC” trang 6-9 nhóm tư vấn cần lưu ý đối với “các tài liệu, dữ liệu sẵn có” ở đây không nên đưa các văn bản chỉ đạo hoặc văn bản pháp luật vào mục này, tài liệu ở đây liên quan đến cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc tiến hành xây dựng quy hoạch như, dữ liệu về tự nhiên, kinh tế xã hội, bản đồ nền, bản đồ thành phần để phục vụ cho xây dựng quy hoạch vùng, dữ liệu của 14 tỉnh trong vùng...</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định</p>
2.3.3	<p>Chương 1: Tóm tắt nội dung chiến lược, quy hoạch.</p>	

a	Tên tiêu đề chương nên bỏ cụm từ “Chiến lược”, vì ĐMC cho quy hoạch, còn Chiến lược là căn cứ để triển khai thực hiện quy hoạch, hơn nữa đây là bản ĐMC cho quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
b	Về cấu trúc. Theo quy định mẫu 1b. phụ lục II của thông tư 02/2022/TT-BTNMT nội dung phần này gồm có 4 phần chính, trong dự thảo báo cáo ĐMC đã thể hiện 4 phần (i) “Tên của Quy hoạch”, (ii) “Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch”, (iii) “Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, Quy hoạch”, (iv) “Nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường”. Như vậy so với cấu trúc nội dung của chương 1 đã thể hiện đủ 4 nội dung. Tuy nhiên cần xem xét lại tên tiêu đề của từng nội dung cho phù hợp với yêu cầu.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
c	Phần nội dung + Mục 1.1. “tên CQ” trang 20, nên sửa lại tiêu đề chính xác là “Tên của Quy hoạch”. + Mục 1.2. “Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng CQ” trang 20 không đúng, tiêu đề nên sửa lại chính xác là “Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch” + Mục 1.3. “mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Quy hoạch khác có liên quan” trang 20-23, tiêu đề nên sửa lại là “Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, Quy hoạch”. Như vậy trong nội dung nên sắp xếp và bổ sung hai nội dung (i) Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, (ii) Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với Quy hoạch khác. + Mục 1.4. “Nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường” trang 23-57. Lưu ý mục này không nên tóm tắt lại nội dung quy hoạch, thay vì cần xác định những nội dung thực hiện quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường có tính chất vùng bao gồm phát triển ngành và tổ chức không gian, hành lang kinh tế có tính chất liên tỉnh.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định

	Những dự án triển khai trong một tỉnh đã có quy hoạch tỉnh xác định ĐMC.	
2.3.4	Chương 2: Phạm vi đánh giá môi trường Chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.	
a	Về cấu trúc: Đối chiếu với yêu cầu cần có của chương này theo quy định trong phụ lục II mẫu 01b1 thông tư 02/2022/TT-BTNMT có 2 nội dung chính cần thực hiện trong báo cáo: (i) Phạm vi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, (ii) Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch. Như vậy về cấu trúc các phần của chương đã đáp ứng yêu cầu.	Theo đúng cấu trúc báo cáo ĐMC TT 02/2022 BTNMT
b	Về nội dung: Để hoàn thiện nội dung chương 2 tôi có những góp ý sau. + Mục 2.2.4 “Thành phần môi trường” trang 70-95, mục này nên xem xét đánh giá dựa vào tính chất đặc trưng của các thành phần môi trường đất, nước, không khí, sinh vật dựa trên cơ sở có những đặc trưng chung có tính chất liên tỉnh đặc trưng của vùng TD&MNPB, không nên đánh giá xem xét theo địa bàn tỉnh, vì nội dung của từng tỉnh đã có ĐMC của quy hoạch tỉnh thực hiện. + Mục 2.2.5. “Di sản thiên nhiên” trang 96-113, lưu ý trong mục này nên mô tả kỹ hơn và nhấn mạnh tới những di sản thiên nhiên có tính chất liên tỉnh và quy mô đặc trưng của vùng. + Đối với mục 2.2.6 “Điều kiện về kinh tế - xã hội” trang 113-207: đối với cơ cấu kinh tế trang 117-118 nên thể hiện bằng biểu đồ tròn của các nhóm ngành nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ thậm chí trong từng nhóm ngành thể hiện cơ cấu của các ngành để người đọc dễ theo dõi cơ cấu kinh tế của vùng. Đối với các ngành kinh tế trang 118-130 nên thể hiện chuỗi số liệu ít nhất 5 năm trở về trước, tốt nhất là 10 năm thông qua biểu đồ cột và đồ thị biến thiên để thấy rõ xu hướng phát	Tiếp thu, sửa chữa và đã cập nhật số liệu, số liệu kinh tế đã cập nhật được 10 năm

	triển của các ngành kinh tế qua các năm của vùng thể hiện tính trực quan tốt hơn.	
2.3.5	Chương 3: Đánh giá tác động của Chiến lược, Quy hoạch đến môi trường.	Báo cáo tuân thủ theo đúng TT 02/2022 của Bộ TNMT
a	Về tiêu đề tên chương không đúng, nhóm tư vấn phải sửa lại chính xác là “Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường”, không có cụm từ “Chiến lược”.	
b	Về cấu trúc của chương. Đối chiếu với quy định trong phụ lục II mục 1b của thông tư 02/2022/TT-BTNMT yêu cầu chương 3 có năm nội dung gồm: (i) Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường, (ii) Các vấn đề môi trường chính, (iii) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch (phương án 0), (iv) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch, (v) Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo. Cấu trúc các phần của chương trong nội dung thể hiện đã đáp ứng yêu cầu	Đã tiếp thu và chỉnh sửa theo đúng hướng dẫn
c	Về các nội dung báo cáo ĐMC. Đối với mục 3.1. trang 208-220. Nên rà soát, viết và sắp xếp lại theo quy định về quan điểm mục tiêu của quy hoạch vùng đối chiếu với các dạng văn bản từ các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước, Chiến lược bảo vệ môi trường...Kịch bản biến đổi khí hậu. Nên loại trừ các văn bản như “Quy hoạch không gian biển quốc gia”, “Quy hoạch tỉnh”. Nên sử dụng bảng ma trận để “So sánh, đánh giá sự phù hợp giữa quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường trong các văn bản đã liệt kê. Làm rõ những vấn đề không phù hợp hoặc mâu thuẫn” khi thực hiện quy hoạch.	Đã tiếp thu và sẽ chỉnh sửa trong bản cuối báo cáo

Đối với mục 3.2. trang 220-228, việc nhận dạng các vấn đề môi trường chính nên chú ý tới những vấn đề môi trường có tính tích cực, hiện nay vùng độ che phủ rừng và phủ xanh đất trống đồi núi trọc tăng lên đáng kể; tầng hồ chứa thay đổi cảnh quan và chất lượng không khí, đổi mới công nghệ theo hướng tăng trưởng xanh... là những vấn đề dẫn đến tác động tích cực tới môi trường, xem xét bổ sung bảng 3.1 trang 223-227 xác định rõ tác động tích cực và tiêu cực, nên bổ sung cột đánh giá. Đối với bảng 3.2 trang 228, nên chuẩn lại các khái niệm và câu từ chuyên môn, chẳng hạn không có khái niệm “Suy thoái môi trường sinh vật”, có chăng “Suy giảm đa dạng sinh học”, hoặc xem lại khái niệm “thành phần môi trường vật lý” nên thay là “thành phần môi trường tự nhiên”.

Đối với mục 3.3 trang 228-262. Lưu ý phương án O nghĩa là vẫn duy trì phương án quy hoạch cũ trước năm 2021 liên quan đến quy hoạch vùng làm căn cứ đối chiếu với 3 nhóm các vấn đề môi trường chính đã được xác định, do vậy mục này cần hoàn thiện và rà soát lại. Đối với mục “Tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch” trang 256-262 nên sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020, 2016 quá cũ, đối với vùng tác động biến đổi khí hậu chủ yếu là thay đổi nhiệt độ, tính dị thường của biến đổi khí hậu từ đó tác động đến các yếu tố môi trường khác.

Đối với mục 3.4 trang 262-351: Nội dung mục 3.4 vẫn chưa hoàn thành đầy đủ các nội dung, nhất là trang 324-326, tác động tích cực của phương án thực hiện quy hoạch đối với các vấn đề môi trường chính, nếu chủ yếu tác động tiêu cực đến các vấn đề môi trường chính cần có điều chỉnh từ bản quy hoạch. Đánh giá quy hoạch tác động tới các vấn đề môi trường chính của mục này cần chú ý tới quy mô vùng, liên tỉnh không nên nhìn nhận trong một tỉnh, lưu ý tới phát triển các hành lang kinh tế tác động tới các vấn đề môi trường chính, hệ thống giao thông, khai thác các dòng sông...Đối với mục 3.4.2.2 trang 344-351, cho rằng mục này chưa đạt

	<p>yêu cầu, cần phải tính toán và xác định hai vấn đề (i) Hấp thụ khí nhà kính từ phát triển rừng; (ii) Phát thải khí nhà kính của các ngành, từ đó cân đối giữa hấp thụ và phát thải đối với thực hiện phương án quy hoạch. Đối với mục 3.5 “Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo” trang 352-353. Mục này nên cấu trúc và viết lại theo 2 nội dung: 3.5.1. “Xác định và nêu rõ những vấn đề còn không chắc chắn, thiếu tin cậy trong ĐMC”; 3.5.2. “Lý do nguyên nhân của từng vấn đề không chắc chắn, thiếu tin cậy”, như vậy mới đảm bảo yêu cầu của mục 3.5.</p>	
c	<p>Về các nội dung báo cáo ĐMC</p> <p>Mục 3.1. trang 208-220. Nên rà soát, viết và sắp xếp lại theo quy định về quan điểm mục tiêu của quy hoạch vùng đối chiếu với các dạng văn bản từ các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước, Chiến lược bảo vệ môi trường...Kịch bản biến đổi khí hậu. Nên loại trừ các văn bản như “Quy hoạch không gian biển quốc gia”, “Quy hoạch tỉnh”. Nên sử dụng bảng ma trận để “So sánh, đánh giá sự phù hợp giữa quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường trong các văn bản đã liệt kê. Làm rõ những vấn đề không phù hợp hoặc mâu thuẫn” khi thực hiện quy hoạch.</p> <p>Mục 3.2. trang 220-228, việc nhận dạng các vấn đề môi trường chính nên chú ý tới những vấn đề môi trường có tính tích cực, hiện nay vùng độ che phủ rừng và phủ xanh đất trống đồi núi trọc tăng lên đáng kể; tầng hồ chứa thay đổi cảnh quan và chất lượng không khí, đổi mới công nghệ theo hướng tăng trưởng xanh... là những vấn đề dẫn đến tác động tích cực tới môi trường, xem xét bổ sung bảng 3.1 trang 223-227 xác định rõ tác động tích cực và tiêu cực, nên bổ sung cột đánh giá. Đối với bảng 3.2 trang 228, nên chuẩn lại các khái niệm và câu từ chuyên môn, chẳng hạn không có khái niệm “Suy thoái môi trường sinh vật”, có chăng “Suy giảm đa dạng sinh học”, hoặc xem lại khái niệm “thành phần môi trường</p>	<p>Đã tiếp thu và sẽ chỉnh sửa trong bản cuối báo cáo</p>

vật lý” nên thay là “thành phần môi trường tự nhiên”.

Mục 3.3 trang 228-262. Lưu ý phương án O nghĩa là vẫn duy trì phương án quy hoạch cũ trước năm 2021 liên quan đến quy hoạch vùng làm căn cứ đối chiếu với 3 nhóm các vấn đề môi trường chính đã được xác định, do vậy mục này cần hoàn thiện và rà soát lại. Đối với mục “Tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch” trang 256-262 nên sử dụng kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020, 2016 quá cũ, đối với vùng tác động biến đổi khí hậu chủ yếu là thay đổi nhiệt độ, tính dị thường của biến đổi khí hậu từ đó tác động đến các yếu tố môi trường khác.

Mục 3.4 trang 262-351: Nội dung mục 3.4 vẫn chưa hoàn thành đầy đủ các nội dung, nhất là trang 324-326, tác động tích cực của phương án thực hiện quy hoạch đối với các vấn đề môi trường chính, nếu chủ yếu tác động tiêu cực đến các vấn đề môi trường chính cần có điều chỉnh từ bản quy hoạch. Đánh giá quy hoạch tác động tới các vấn đề môi trường chính của mục này cần chú ý tới quy mô vùng, liên tỉnh không nên nhìn nhận trong một tỉnh, lưu ý tới phát triển các hành lang kinh tế tác động tới các vấn đề môi trường chính, hệ thống giao thông, khai thác các dòng sông... Đối với mục 3.4.2.2 trang 344-351, cho rằng mục này chưa đạt yêu cầu, cần phải tính toán và xác định hai vấn đề (i) Hấp thụ khí nhà kính từ phát triển rừng; (ii) Phát thải khí nhà kính của các ngành, từ đó cân đối giữa hấp thụ và phát thải đối với thực hiện phương án quy hoạch. Mục 3.5 “Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo” trang 352-353. Mục này nên cấu trúc và viết lại theo 2 nội dung: 3.5.1. “Xác định và nêu rõ những vấn đề còn không chắc chắn, thiếu tin cậy trong ĐMC”; 3.5.2. “Lý do nguyên nhân của từng vấn đề không chắc chắn, thiếu tin cậy”, như vậy mới đảm bảo yêu cầu của mục 3.5.

d	<p>Chương 4: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, hạn chế giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.</p> <p>Tên tiêu đề nên bỏ cụm từ “hạn chế” không đúng yêu cầu và sai ngữ nghĩa.</p> <p>Mục 4.1. trang 354-362. Lưu ý đối với giải pháp cơ chế chính sách cần nhấn mạnh tới cơ chế chính sách cho tính đặc thù của vùng nhằm duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực đối với các vấn đề môi trường chính, đối với pháp luật thường là quy định chung. Đối với “Các giải pháp về tổ chức – quản lý, công nghệ - Kỹ thuật” cũng phải thể hiện được giải quyết có tính chất vùng, tránh việc áp dụng vào vùng hay tỉnh nào cũng đúng, chẳng hạn quan trắc giám sát chất lượng môi trường không khí có tính chất vùng phải phân bố các điểm quan trắc phù hợp, cũng như vậy đối với chất lượng nước mặt, chất lượng đất. Đối với giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nên chia thành 2 mục (i) Giảm nhẹ và (ii) Thích ứng sẽ rõ ràng và phù hợp hơn.</p> <p>Mục 4.2. trang 362- 364, đối với mục 3.2.1. trang 362 nên viết lại, vì công cụ quản lý môi trường có 4 loại: (i) công cụ giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức; (ii) công cụ pháp luật; (iii) công cụ kinh tế và (iv) công cụ kỹ thuật. Như vậy áp dụng cho quản lý môi trường như thế nào đối với vùng cần xác định rõ. Tôi cho rằng mục này nhóm tư vấn nên xem xét phân vùng môi trường dựa trên cơ sở khoa học phân vùng môi trường trong quy hoạch. Đối với mục 4.2.2. cần lưu ý tới các dự án có tính liên kết, ảnh hưởng tới môi trường từ 2 tỉnh trở lên ở trong vùng.</p> <p>Mục 4.3. trang 364-368. Đối với quy hoạch vùng không có cơ quan quản lý hành chính cấp vùng, do vậy quan trọng đối với chương trình quản lý và giám sát phải dựa vào đầu mối cơ quan trung ương chủ trì điều phối, cụ thể là Bộ kế hoạch và đầu tư cùng Bộ tài nguyên và môi trường, các đầu mối cấp tỉnh cần có sự phối hợp để thực hiện cung cấp thông tin dữ</p>	
---	--	--

	liệu cũng như triển khai quản lý và giám sát. Vì vậy mục này cần viết lại rõ hơn chủ thể quản lý và giám sát.	
e	<p>Chương 5: Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường Chiến lược.</p> <p>Về cấu trúc: Theo quy định tại phụ lục II mẫu báo cáo 1b tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường chương này có hai nội dung chính gồm: (i) “thực hiện tham vấn” và (ii) “kết quả tham vấn” trong cấu trúc của chương đã thể hiện đúng 2 nội theo quy định.</p> <p>Về nội dung: Hai nội dung của chương 5 nhóm tư vấn thực hiện ĐMC thực hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu, rà soát lại và chuẩn chỉnh để chất lượng các nội dung tốt hơn.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
f	<p>Kết luận, kiến nghị và cam kết.</p> <p>Về cấu trúc: Theo như yêu cầu của phụ lục II, mẫu 1b thông tư 02/2022/TT-BTNMT nội dung gồm: (i) Vấn đề cần lưu ý về bảo vệ môi trường, (ii) Kết luận (iii) Về hiệu quả của ĐMC và (iv) Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện Quy hoạch. Trong nội dung thực hiện của phần này đã có đủ các nội dung yêu cầu.</p> <p>Về nội dung: Đối với mục 3.3. “Các vấn đề còn chưa có sự thống nhất giữa yêu cầu phát triển và bảo vệ môi trường” trang 391 nên viết lại và bổ sung hoàn thiện đúng với yêu cầu phải giải trình.</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
V	TS. Đặng Kim Sơn	
1	Rất nên bổ sung bản đồ hiện trạng (tình hình nông nghiệp, lâm nghiệp...) của vùng trong phần 1.1.5 hiện trạng phát triển các ngành kinh tế (trang 93). Trong đó thể hiện các vùng sản xuất tập trung các ngành hàng nông nghiệp chính như cây ăn quả, cây công nghiệp cây lương thực, tình hình phân bố ba loại rừng, các khu vực chăn nuôi tập trung chính, thủy sản chính, các trung tâm công nghiệp chế biến nông sản.	Tiếp thu và chỉnh sửa lại hồ sơ bản đồ theo ý kiến góp ý

2	<p>Trong phần hiện trạng đánh giá phân bố dân cư nông thôn (trang 229) đã chia ra hai địa bàn: vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồi núi và vùng nông thôn đồi thấp và đồng bằng. Để có căn cứ đề xuất trong phần III quy hoạch tương lai, xin chia thêm một vùng quan trọng nữa là vùng trung du đồng bằng phát triển công nghiệp và phi nông nghiệp (Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc). Ở cả ba vùng này đề nghị xác định rõ các vấn đề về phân bố không gian cư trú và sinh kế của cư dân nông thôn (mật độ và hình thức bố trí dân cư, kết cấu dân tộc và quan hệ cộng đồng, năng lực cung cấp dịch vụ và điều kiện sống, rủi ro và thiên tai, kết cấu sinh kế, quan hệ với đô thị địa phương,...) để đưa ra các giải pháp trong quy hoạch (có phải tái định cư hay không?, phát triển dịch vụ và cơ sở hạ tầng theo hướng nào? định hướng phát triển nông thôn ra sao?...) để đảm bảo phục vụ chức năng của từng tiểu vùng (phát triển nông nghiệp, công nghiệp hay dịch vụ), đáp ứng các định hướng phát triển kinh tế (phát triển công nghiệp khai khoáng, phát triển thủy điện, phát triển Lâm Nghiệp....).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định</p>
3	<p>Phần tổ chức không gian phát triển các ngành có lợi thế (từ trang 351):</p>	
3.1	<p>Đây là phần trọng tâm của quy hoạch. Trong khi bố trí không gian phát triển công nghiệp chỉ ra được trung tâm chế biến gỗ tại Tuyên Quang, Sơn La chế biến rau quả và cà phê, chế biến chè tại Thái Nguyên... thì việc bố trí không gian phát triển nông nghiệp không chỉ ra được các vùng chuyên canh cây trồng chính (cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, nguyên liệu gỗ...) nằm tại các địa bàn nào.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định</p>
3.2	<p>- Các đoạn trong phần này (từ trang 351 đến trang 355) báo cáo viết chung chung. Ví dụ như: “phát triển vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp, cây ăn quả đặc sản, cây dược liệu ở tất cả các địa phương có điều kiện phát triển, như Thái Nguyên, Sơn La, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ, Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu, Lạng Sơn.” Nếu chỉ kể</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định</p>

	<p>tên tất cả các tỉnh mà không bố trí được trên không gian bản đồ, xác định được quy mô chung, định hướng sản phẩm chiến lược ưu tiên thì giống như Nghị quyết của Đảng hoặc chiến lược phát triển hơn là báo cáo quy hoạch. “Cây công nghiệp” hiện nay trong vùng phát triển tốt là chè và cà phê, các loại cây khác nên phát triển quy mô tập trung đến đâu? “Cây ăn quả đặc sản” đại diện là nhóm nào để có thể phát triển “các vùng sản xuất tập trung”? Đặc biệt với các sản phẩm sản xuất hàng hóa lớn, cần đánh giá đúng khả năng cạnh tranh các nông sản chính của vùng với các đối thủ cạnh tranh trong nước và quốc tế (như soài, dứa, chuối, vải, cam,) là một nhiệm vụ quan trọng của quy hoạch vùng là xác định quy mô tối đa các sản phẩm sản xuất lớn để tránh cung vượt cầu trong cả nước.</p>	
3.3	<p>- Trong góp ý trước đây có nêu ra hai ví dụ, về cây có múi hiện đang sản xuất thừa và cạnh tranh ngang với các vùng khác trong cả nước gây giảm giá đồng loạt, và tình trạng trồng cao su không hiệu quả. Đây là vấn đề Quy hoạch về mức độ thích nghi và lợi thế cạnh tranh. Diện tích trồng cao su trong vùng gần 29.000 hecta, cây có múi riêng cam với bưởi hiện nay theo báo cáo này đã là 62.000 hecta, nhưng “Báo cáo giải trình” thì cho rằng đây chỉ là việc của các đề án đầu tư cụ thể (trang 19), trong khi diện tích mắc ca khoảng 10.000 hecta hiện trạng thì báo cáo quy hoạch đề xuất rõ ba tỉnh Tây Bắc trồng nguyên liệu để đưa Lai Châu thành trung tâm chế biến (trang 352).</p>	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung chỉnh sửa
3.4	<p>- Các địa bàn bố trí cần tính đến mức độ thích nghi tự nhiên và xã hội, mối liên kết với các trung tâm chế biến và hệ thống Logistics, xác định quy mô tương đối phù hợp với thị trường ở quy mô cấp vùng. Ví dụ: đặt trung tâm chế biến gỗ ở Tuyên Quang mà nguyên liệu ở Hòa Bình, trung tâm chế biến nông sản ở Sơn La mà nguyên liệu ở Bắc Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn... thì việc vận chuyển sẽ tổ chức như thế nào cho hiệu quả? (trang 357).</p>	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung chỉnh sửa

3.5	<p>- Tương tự như vậy, việc bố trí Lâm Nghiệp không chỉ nêu con số và tên tỉnh mà phải chỉ ra được bằng bản đồ không gian (dù khái quát nhất với tỷ lệ lớn) chỉ rõ nguyên tắc để bố trí địa bàn, nguyên tắc để quản lý, nguyên tắc thu hút đầu tư tái tạo, bảo vệ và sử dụng 3 loại rừng. Tổng diện tích rừng 2030 và 2050 phải được ước tính cân đối giữa hiện trạng và nhu cầu (giảm thải carbon và chống ô nhiễm không khí; tái tạo nước và giữ đất, đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái; kinh tế LN và sinh kế cư dân). Cân đối rừng ở vùng miền núi phía Bắc cũng quan trọng như cân đối nước đã được tính toán khá cẩn thận trong báo cáo (từ trang 507 đến trang 574).</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
3.6	<p>- Để thực hiện yêu cầu của Nghị quyết 11 Bộ Chính trị “phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững”, bên cạnh việc bố trí các địa bàn thích hợp và cân đối để phát triển đất rừng cần xác định rõ các cơ sở hạ tầng chính, các trung tâm chế biến, hệ thống logistics để có thể khai thác hiệu quả sản phẩm Lâm Nghiệp, sản phẩm Phi gỗ và dịch vụ từ rừng. Báo cáo này dự kiến phát triển Tuyên Quang thành trung tâm chế biến gỗ, từ kinh nghiệm thành công về bố trí vùng nguyên liệu gỗ cho trung tâm chế biến giấy ở Phú Thọ, cần kết nối giữa trung tâm này với các vùng ở các tỉnh sản xuất nguyên liệu như thế nào? về bố trí không gian, nguồn cung khoa học công nghệ cho sản xuất lâm nghiệp quy mô lớn của vùng nên điều chỉnh thế nào (hiện tại, nguồn khoa học công nghệ, nguồn giống, nguồn cán bộ kỹ thuật là Đại học Lâm Nghiệp và Viện nghiên cứu Lâm nghiệp đều ở Hà Nội)?</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
3.7	<p>- Ngoài ra việc bố trí quy hoạch phải tính đến chức năng và những vấn đề phải xử lý của tiểu vùng. Ví dụ tỉnh Sơn La và Lai Châu nằm trong tiểu vùng phía tây giữ vai trò là khu vực “tăng trưởng xanh” (trang 374). Đây là địa bàn được xác định “chú trọng phát triển rừng nhất là bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên, rừng phòng hộ đầu nguồn”, phải khoanh vùng và bảo vệ các khu rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực sông Đà, sông</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	Hồng...” (trang 352). Tuy nhiên bố trí Lâm nghiệp lại dự kiến giảm diện tích rừng phòng hộ để chuyển sang diện tích rừng sản xuất nhiều tại Sơn La, Lai Châu... (trang 353)?	
3.8	- Về khoa học công nghệ Nông nghiệp, Báo cáo đưa ra một định hướng khẩu hiệu: “hình thành các trung tâm nghiên cứu tạo giống cây trồng, chuyển ra công nghệ đối với các địa bàn có quy mô phát triển hơn tập trung” (trang 352). Trong khi nghị quyết 96 của chính phủ để triển khai Nghị quyết 11 của Bộ Chính Trị còn đề ra chi tiết hơn: “đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các trường đại học trong vùng; tập trung đầu tư phát triển một số viện/trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp”. Hiện nay đại học Tây Bắc nằm ở tỉnh Sơn La, viện nghiên cứu nông nghiệp miền núi phía Bắc nằm ở Phú Thọ. Cần làm rõ Quy hoạch sẽ điều chỉnh về không gian như thế nào để nghiên cứu gắn với đào tạo? gắn các trung tâm khoa học công nghệ với các vùng chuyên canh và trung tâm chế biến nông sản chính?	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
4	Về giải pháp phát triển các ngành công nghiệp (trang 366).	
4.1	Đây sẽ là vùng đẩy mạnh công nghiệp khai khoáng, đặc biệt có những cảnh hoàn toàn mới như khai thác đất hiếm. Cần phải đảm bảo các giải pháp phát triển vững bền trong lĩnh vực này như: + Đảm bảo khôi phục cảnh quan và môi trường theo từng chu kỳ khai thác đặc biệt là bảo vệ nguồn nước, khôi phục đất đai và trồng lại rừng. + Đề ra tiêu chí về lựa chọn đối tác FDI để liên kết đầu tư sản xuất đảm bảo an toàn về địa chính trị và hiệu quả kinh tế kỹ thuật.	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
4.2	Bố trí tổ chức sản xuất công nghiệp cần đảm bảo các yếu tố không gian: + Các khu công nghiệp chế biến nông sản, khoáng sản được liên kết chặt chẽ với vùng nguyên liệu, và địa bàn khai thác. + Cả vùng nguyên liệu cũng chế biến được hỗ trợ bởi các hạt nhân	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ

	<p> nghiên cứu khoa học công nghệ và cung cấp lao động tay nghề cao + Các doanh nghiệp lớn đầu tư phải gắn bó với hệ sinh thái các doanh nghiệp địa phương sản xuất vệ tinh và công nghiệp phụ trợ + Cần phát triển các vùng dân cư đô thị gắn liền với các trung tâm công nghiệp (chế biến nông sản, chế biến khoáng sản, cung cấp năng lượng...). Đặc biệt cần rút kinh nghiệm của các khu công nghiệp vùng Đông Nam Bộ gắn chặt và gây quá tải cho thành phố Hồ Chí Minh, giữa vành đai công nghiệp chế biến chế tạo cao cấp vùng trung du phía Bắc (Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang) với Hà Nội cần hình thành một vành đai đô thị phục vụ cho công nghiệp nằm ngay tại các tỉnh sản xuất công nghiệp. Tại đây không chỉ bố trí các khu dân cư cho công nhân cán bộ làm việc tại các khu công nghiệp mà cần tạo điều kiện tốt để chuyên gia và nhà quản lý đến ở, hình thành các trung tâm khoa học công nghệ và tham gia vào hệ thống Logistics phục vụ công nghiệp.</p>	
5	Tiểu vùng và hành lang (2.1.4.1 trang 374)	
5.1	<p> Tiểu vùng + Tiểu vùng 1 ngoài các nội dung đã nêu cần nhấn mạnh đến chức năng cung cấp dịch vụ môi trường quốc gia, đảm bảo diện tích rừng cần thiết để duy trì nguồn nước phục vụ vùng đồng bằng hạ lưu và phục vụ thủy điện. + Tiểu vùng 2 ngoài các nội dung đã nêu cần nhấn mạnh đến chức năng phát triển sản xuất công nghiệp khai khoáng và kinh tế lâm nghiệp (phát triển tổng hợp cả trồng, bảo vệ, chế biến; cả gỗ sản phẩm ngoài gỗ và dịch vụ). + Tại tiểu vùng 3 nhấn mạnh vai trò của Cao Bằng “phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến”, “công nghiệp chế biến chế tạo”, “trung tâm giao thương kinh tế văn hóa đối ngoại với các tỉnh phía Tây Tây - Nam Trung Quốc và các nước Asean” ..., dựa trên lợi thế đặc biệt nào?</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	+ Tiểu vùng 4 cần nhấn mạnh vai trò là trung tâm Logistics và tính chất phòng thủ quốc phòng quan trọng của địa bàn này	
5.2	<p>Vành đai: nội dung của các vành đai cần được nêu rõ thêm trong báo cáo:</p> <p>+ Vành đai Biên Giới: để thực hiện các chức năng an ninh, quốc phòng và an sinh, kinh tế cửa khẩu... thì nội dung quy hoạch là gì để thực hiện được các chức năng đó? (các nguyên tắc và định hướng về bố trí dân cư, bố trí sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ công,...).</p> <p>Trong báo cáo ý kiến giải trình, Ý kiến góp ý của Bộ Công an trang 1 cũng có đề cập đến vấn đề bố trí cư dân ở biên giới. Trung Quốc hiện đang làm rất tốt việc này. Ví dụ, từng bước chấm dứt hẳn buôn bán biên mậu tiểu ngạch, kiểm tra chặt kiểm dịch động thực vật, trợ cấp cho người dân lên sinh sống ven đường biên, quy hoạch trồng rừng, ...</p> <p>+ Theo quy hoạch giao thông thì quốc lộ 37 là đường cấp 4 ở khu vực miền núi chỉ các đoạn khu vực đông dân cư, đồng bằng là đường cấp 3. Như vậy khó đáp ứng được nhiệm vụ quan trọng của “Vành đai Logistic”: trong báo cáo quy hoạch đề xuất sẽ “liên kết trung tâm chế biến của vùng với thị trường và các đầu mối sân bay và cảng biển” (trang 382). Khả năng thiết thực hơn là việc sử dụng vành đai 5 của thành phố Hà Nội sau khi xây dựng và mở rộng, kết nối Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ (Hòa Bình chỉ một phần nhỏ), cho phép gắn kết vùng trung du là khu công nghiệp phát triển hiện đại trong tương lai, cũng gắn liền hệ thống đô thị để phục vụ cho các khu công nghiệp và giảm tải cho Hà Nội. Cần đánh giá chính xác khả năng phát triển giữa hai vành đai này để có thể kết nối toàn vùng miền núi phía Bắc với hệ thống cảng biển, sân bay, đường sắt trong và ngoài nước.</p>	<p>Tiếp thu góp ý. Trong vành đai Logistics, Vành đai 5 HN sẽ được sử dụng từ đoạn Thái Nguyên - Bắc Giang</p> <p>Vành đai 3 (QL 37) cần được nâng cấp để phục vụ Sơn La, Yên Bái, Tuyên Quang</p>
6	Về nhiệm vụ bảo vệ an ninh, phòng chống rủi ro chính:	
6.1	Rủi ro lũ lớn trên các con sông chính do xả nước của các đập thượng nguồn phía Trung Quốc với những thông tin hiện nay chúng ta biết được	Tiếp thu, sửa chữa trong báo cáo sau hội nghị thẩm định.

	<p>thì xem ra không có nhiều nguy cơ rõ ràng đối với Sông Thao, báo cáo quy hoạch cho thấy nguy cơ xả lũ từ Trung Quốc với Sông Đà và Sông Lô có thể xử lý được bằng hệ thống điều tiết trong lãnh thổ Việt Nam. Chủ yếu đây là thông tin trên mạng, rất nên xác định lại với các cơ quan chuyên môn Việt Nam hoặc nếu cần thì đề nghị tiếp tục nghiên cứu thêm về sau. Rất nên xem xét kinh nghiệm của Trung Quốc trong mấy năm gần đây liên tiếp xảy ra lũ lớn ở các thành phố lớn kể cả Bắc Kinh, đã phải áp dụng các phương án phân lũ qua các vùng phụ cận để điều tiết (mà nguyên nhân chỉ vì mưa ở mức lớn kỷ lục lịch sử, chưa liên quan gì đến việc xả lũ của các đập thượng nguồn).</p>	
6.2	<p>Về rủi ro dịch bệnh: trong góp ý lần trước tôi đã đề cập đến kết luận của nhiều nghiên cứu quốc tế về việc Trung Quốc là nguồn lây truyền nhiều bệnh dịch nguy hiểm cho chăn nuôi xuống Việt Nam và Đông Nam Á. Trong phần hiện trạng cũng nhắc đến thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi Lan truyền từ Trung Quốc. Trong báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý có giải thích về việc tăng cường quan hệ hợp tác kiểm dịch Biên giới hai nước Theo hiệp định đã ký và việc cải thiện tình hình nhờ các kế hoạch thống nhất hai bên về chia sẻ thông tin và giám sát chung từ 2021. Xin đề nghị đây là báo cáo quy hoạch cho vùng “chăn nuôi lợn thịt lớn thứ ba cả nước”, vùng “tập trung chăn nuôi gia cầm lớn thứ hai cả nước” (trang 97). Biện pháp kiểm dịch phải được định ra về mặt không gian, song song với kiểm soát tại cửa khẩu và trên đường vận chuyển, về mặt bố trí sản xuất phải tạo ra những vùng an toàn dịch bệnh tại những chốt chặn địa lý quan trọng dọc theo các trục đường vận chuyển chính, để có biện pháp ngăn chặn và xử lý khi dịch bệnh bùng phát từ phía bạn.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
6.3	<p>Về an ninh quốc phòng, có hai yếu tố về không gian đã được lịch sử chứng minh cần phải bảo vệ: + Dọc tuyến biên giới, đồng bào thiểu số sống ở các nước thường có chung một dân tộc, có liên quan dòng họ. Giáp giới Việt Nam là các khu</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định</p>

	<p>tự trị được tổ chức hoàn chỉnh với chính sách phát triển văn hóa xã hội mang đặc thù dân tộc rất rõ nét (về đào tạo, hệ thống truyền thông, truyền bá văn hóa...), có chính sách đưa dân ra vùng biên, có kết quả khá tốt về phát triển kinh tế, xã hội, có ảnh hưởng sâu vào nội địa các nước giáp ranh. Trong quy hoạch các đô thị ở vùng ven Biên Giới cần hình thành hệ thống dịch vụ phục vụ đời sống và phát triển văn hóa xã hội mang tính đặc thù của các dân tộc tương ứng tạo sự thu hút và lan tỏa của Việt Nam với cộng đồng dân tộc của mình. Đây là nội dung cần làm rõ trong quy hoạch để đảm bảo giữ vững thế trận lòng dân.</p> <p>+ Sâu trong nội địa, địa bàn xung yếu nhất của vùng là khu vực Lạng Sơn - Chi Lăng. Khác với các địa bàn khác ở đây sau 50 - 60 km có địa hình hiểm trở đã là địa bàn thuận lợi để triển khai lực lượng nhanh. Vì thế, song song với việc xây dựng cơ sở tầng, thúc đẩy kết nối các “vành đai và con đường” để mở rộng hội nhập trong hòa bình, trọng điểm kinh tế Lạng Sơn cần được phát triển mạnh trở thành một trung tâm Logistics có tính đến năng lực phòng thủ tuyến đầu.</p> <p>+ Rút kinh nghiệm cơ sở công nghiệp Apatit Lào Cai bị tàn phá hoàn toàn trong các sự kiện cuối thập kỷ 1980, sắp tới nếu phát triển khai khoáng đất hiếm trên quy mô lớn tại Lai Châu, cần bố trí các cơ sở chế biến sâu, tinh chế quặng có giá trị cao và các trung tâm Logistic quan trọng vào sâu trong nội địa, trên địa bàn được bảo vệ an toàn, có thể trở thành các trung tâm chế biến lớn khi phát triển thêm các mỏ quặng khác.</p>	
7	Về kết cấu:	
7.1	<p>Phần các cực tăng trưởng và các trung tâm kinh tế của vùng và tiểu vùng (1.1.6.2, từ trang 143 đến 149) cần chuyển từ phần II Hiện trạng phát triển kinh tế xã hội trang 64 sang phần III phương hướng phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2020 tầm nhìn đến 2050 (trang 335).</p>	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

7.2	Cân đối nước được mô tả rất dài trong báo cáo (từ trang 507 đến trang 574) nên đưa vào phụ lục.	
8	<p>Để đảm bảo báo cáo mang ngôn ngữ của tài liệu quy hoạch, khác với chiến lược nghị quyết và báo cáo đầu tư phát triển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần trình bày các thông tin không gian dưới dạng bản đồ, từ phần đánh giá tài nguyên, phân tích hiện trạng, đến bố trí phương án phát triển và giải pháp trong tương lai. - Đối với các lĩnh vực, địa bàn, đối tượng phát triển, báo cáo cần đề ra các nguyên tắc cấm, khuyến khích, phát triển có điều kiện, tỷ lệ cân đối... trong đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng theo không gian (quy mô rộng, chiều cao, khoảng không, chiều sâu...) cho 2 mốc 2030 và 2050. Ví dụ như phần “Định hướng phân bổ nguồn lực trên lãnh thổ vùng trang 388 - 394” chủ yếu đưa ra các khẩu hiệu hơn là các nguyên tắc quản lý phát triển. 	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung, chỉnh sửa vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
VI	GS.TS. Đào Xuân Học	
1	<p>Về vị trí, điều kiện tự nhiên: Tư vấn đã đề cập tương đối đầy đủ, nhưng theo tôi cần bổ sung thêm và nhấn mạnh 3 nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều cửa khẩu, đường biên dài với Trung Quốc – Một đất nước đang rất phát triển. - Nguồn nhân lực có trình độ cao rất hạn chế - Tiềm ẩn nhiều yếu tố thiên tai 	Tiếp thu, sửa chữa trong bản cuối
2	Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội	
2.1	Nền kinh tế nhỏ, năng suất lao động thấp, trừ một số tỉnh như Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Lào Cai, các tỉnh khác không có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế. Nhiều vùng dân cư có vị trí chưa an toàn trước thiên tai cần có rà soát lại quy hoạch dân cư	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ

2.2	<p>Tôi đánh giá cao nội dung đánh giá về hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi, đặc biệt có các số liệu về nhiều hồ chứa ở thượng nguồn sông Đà thuộc đất Trung Quốc và những tác động bất lợi của nó. Tuy nhiên, hồ chứa được xây dựng để chứa nước vào mùa lũ (lúc thừa) và xả nước vào mùa khô (lúc thiếu), như vậy, về nguyên tắc lưu lượng bình quân mùa lũ sẽ giảm, lưu lượng bình quân mùa kiệt sẽ tăng, sẽ có lợi hơn cho việc sử dụng nước ở hạ du. Tất nhiên, do con người quản lý nên có thể gây những tác động bất lợi (lúc xả nước lúc không xả nước), nhưng ở Việt Nam đã có những hồ chứa nên những tác động bất lợi này được khắc phục. Chúng ta cần đề phòng và quan tâm đến xả lũ và thiên tai (bài toán vỡ đập)</p>	<p>Trường hợp vỡ đập liên hoàn được xét đến là thảm họa vì vậy tư vấn kiến nghị nội dung này cần phải có cơ quan chuyên môn tiếp tục nghiên cứu thêm về sau.</p>
2.3	<p>Thách thức của vùng là thoái hoá và sạt lở đất và sạt lở bờ sông và hạ thấp đáy sông. Vấn đề sạt lở bờ sông do thiếu hụt bùn cát do khai thác cát cho xây dựng, bộ máy quản lý nguồn nước không đồng bộ và thống nhất gây lãng phí nguồn nhân lực, mẫu thuẫn, hậu quả trong quản lý ngành nước và các công trình thủy lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên một dòng sông một Bộ được giao quản lý tuyến đê hai bên, kè, cống và công trình thủy lợi ở dọc đê (sự an toàn của đê), một Bộ được giao quản lý nước và khai thác cát lòng sông. Trong khi việc khai thác cát là nguyên nhân chính gây ra sạt lở kè, đê và hạ thấp mực nước sông mùa kiệt (ảnh hưởng đến an toàn của đê). - Người cấp phép khai thác cát lại không hiểu biết đầy đủ về dòng chảy, về sạt lở kè sông và bờ sông. - Hai Bộ cùng thực hiện quy hoạch lưu vực sông (Tài nguyên nước và Thủy lợi lưu vực sông), cùng quản lý lưu vực sông. 	<p>Ý kiến góp ý về công tác quản lý không đồng bộ, chông chéo, mâu thuẫn giữa các bộ ngành. Tư vấn xin tiếp thu và đưa nội dung này vào phần kiến nghị</p>
2.4	<p>Diện tích cây ăn quả được tưới chỉ chiếm 3,5% diện tích cần tưới, đây là nội dung cần quan tâm giải quyết.</p>	<p>Để vùng TDMNPB đạt được mục tiêu đến năm 2030: Diện tích cây trồng cần được tưới đạt 70%, trong đó tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 30% của Chiến lược Thủy lợi Việt Nam (số 33/2020/QĐ-TTg)</p>

		sẽ rất khó khăn. Vì vậy kiến nghị điều chỉnh lại mục tiêu để phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của Vùng
2.5	Trong phân tích SWOT, tôi thấy có một số nội dung không chính xác cần được sửa như: Đây là vùng có lợi thế phát triển ngành nông nghiệp, thế mạnh là “cao su (diện tích 29,6 nghìn ha)”, không đúng. Cơ hội hoặc thế mạnh: Có đường biên và nhiều cửa khẩu với Trung Quốc, là đất nước rất phát triển và là thị trường lớn.	Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
2.6	Đường bộ và đường sắt còn rất hạn chế, đặc biệt là kết nối với các cửa khẩu. Các cảng đường thủy ít về số lượng, không tốt về chất lượng và không kết nối các phương tiện giao thông. Công suất hoạt động thấp, hệ thống sông không thuận lợi cho giao thông đường thủy do thời gian cạn kiệt nhiều.	Tiếp thu góp ý. Các kết nối GT hiện trạng đang rất hạn chế và đã được đề cập trong BCTH
3	Trọng tâm cần giải quyết	
3.1	Theo tôi việc đầu tiên cần giải quyết đó là thể chế: (1) Xây dựng thể chế, hoặc giao cho các địa phương xây dựng thể chế trình chính phủ ban hành nhằm tạo động lực phát triển kinh tế vùng cửa khẩu, đặc biệt là cửa khẩu Lào Cai và Lạng sơn. (2) Về nguồn nhân lực: Tạo cơ chế để hút nguồn nhân lực chất lượng cao (3) Tổ chức và thể chế trong quản lý nguồn nước	Nội dung về thể chế không thuộc phạm vi quy hoạch theo quy định
3.2	Việc xây dựng các trường Đại học đã không thành công, nay lại tiếp tục xây dựng các trường Đại học vùng. Theo tôi đây là nội dung cần cần nhắc và cần nắm rõ mong muốn thực sự của sinh viên là gì? Chỉ ra ưu nhược điểm của các trường Đại học ở Thủ Đô Hà Nội với các trường Đại học ở Sơn La.	Với những đánh giá về hiện trạng giáo dục, đào tạo của Vùng, Quy hoạch đề xuất đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho các trường đại học, không đề xuất xây mới các trường Đại học. Cơ sở chuyên nghiên cứu – quảng bá – bảo tồn văn hóa, lịch sử, và lối sống của cộng đồng dân tộc được đề xuất có thể gắn liền với các trường đại học hiện hữu trong vùng.

3.3	Về hạ tầng giao thông cần có quy định kết nối các đầu mối giao thông với nhau. Trong quy hoạch nên có quy định về thiết kế đồng bộ như sân bay frankfurt ở Đức đối với các cảng hàng không. Trong nhà chờ của sân bay có bến xe buýt, ga đường sắt đi các nơi và có trung tâm logistic như là một yêu cầu bắt buộc. Việc thực hiện có thể từng bước theo nhu cầu phát triển.	
3.4	Là vùng đầu nguồn, nên cần có chiến lược về bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, hạn chế hoặc không xây dựng những khu công nghiệp độc hại...Có diện tích lớn thuộc rừng đầu nguồn, lại có nhiều người dân tộc, có những phong tục tập quán riêng cần được trân trọng và giữ gìn. Vì vậy nhiệm vụ bảo vệ rừng đầu nguồn và giữ gìn bản sắc của vùng là điều cần quan tâm giải quyết. Theo tôi nên xây dựng cơ chế để người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số có thể sống được bằng trồng và bảo vệ rừng.	Tiếp thu ý kiến góp ý. Thống nhất chỉnh sửa, lồng ghép trong các giải pháp về phát triển mô hình nông lâm kết hợp, giao khoán bảo vệ rừng, dịch vụ môi trường rừng
3.5	Các đột phá của vùng tư vấn đề xuất là “Liên kết vùng, liên vùng; chất lượng nguồn nhân lực; và các cực tăng trưởng và hành lang kinh tế” nên chính một chút là liên kết Quốc tế, tạo cơ chế để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (vì không thể tự đào tạo nhanh được).	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
4	Phương hướng phát triển vùng	
4.1	Những quan điểm và nhiệm vụ trọng tâm được đề xuất tương đối phù hợp. Một số mục tiêu cụ thể hơi cao, rất khó có thể thực hiện được.	Các mục tiêu cụ thể cơ bản phù hợp Nghị quyết số 11/BCT và Nghị quyết số 96/NQ-CP
4.2	Tư vấn đã nêu: Quy hoạch tập trung giải quyết 3 vấn đề: (i) Phát triển liên kết nội vùng và liên vùng (ii) từng bước nâng cao nguồn nhân lực (iii) hình thành hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, chuỗi ngành kinh tế. Theo tôi liên kết trong vùng và liên vùng là cần thiết. Tuy vậy trước mắt nên tập trung tạo liên kết Quốc tế xuất phát từ vùng Đồng bằng sông Hồng, qua vùng rồi tới Trung Quốc, ưu tiên hai cửa khẩu Lạng Sơn và Lào Cai thông qua hệ thống đường sắt và đường bộ. Xây dựng một số cảng sông lớn, có sự kết nối với đường sắt (việc xây dựng đập dâng trên	Tiếp thu góp ý. Các liên kết từ vùng ĐBSH với Trung Quốc thông qua Lào Cai và Lạng Sơn đang được chú trọng cho cả đường bộ và đường sắt và đã được đề cập trong BCTT và bài thuyết trình

	sông Hồng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông thủy trong mùa kiệt từ biên lên đến Hoà Bình và tới Lào Cai.	
4.3	Các ngành có lợi thế tương đối phù hợp, phương hướng phát triển có nội dung còn hơi chung chung, tuy nhiên có thể chấp nhận được. Một số ngành đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao nhiều, nên rất cần nghiên cứu đề xuất cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao.	Thống nhất với ý kiến góp ý
4.4	Phương hướng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu là nội dung rất quan trọng nhằm đảm bảo nguồn nước sạch và an toàn trước thiên tai cho vùng Đồng bằng sông Hồng đã được đề xuất tương đối đầy đủ. Tuy vậy, vẫn chưa quan tâm đến tổ chức bộ máy quản lý, đặc biệt tiêu chuẩn tiêu thoát cho đô thị, khu công nghiệp quá lạc hậu và không đúng. Để làm tốt nhiệm vụ này cần rà soát lại tổ chức bộ máy quản lý như đã nêu trên.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối
4.5	Tôi đồng việc phân chia thành 4 tiểu vùng. Tuy nhiên những vùng kinh tế cửa khẩu, nếu có chính sách đúng, cởi mở sẽ phát triển nhanh. Đối với những vùng đặc biệt khó khăn, nên có chính sách riêng và có sự hỗ trợ trong đời sống văn hoá, giảm hủ tục và hướng dẫn cách làm ăn.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
4.6	Đối với các đô thị và nông thôn nên có một số quy định trong quy hoạch với tầm nhìn dài để tránh những vấn đề đã gặp ở miền xuôi như tắc đường, môi trường đô thị, không có sự kết nối các đầu mối giao thông.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
4.7	Đẩy mạnh áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước để tưới cho các loại cây công nghiệp, cây ăn quả trong vùng.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối
4.8	Về tiêu chuẩn tiêu thoát nước (tr 448), mưa ngày nào tiêu hết ngày đó đối với đô thị và khu công nghiệp là không đúng. Tiêu chuẩn tiêu này là dùng tính tiêu cho hoa màu. Đối với đô thị và khu công nghiệp phải thiết kế với tiêu chuẩn mưa giờ nào tiêu hết giờ đó.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối

4.9	Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, đây là giải pháp đầu tiên quan trọng nhất trong quá trình phát triển, nhưng nội dung được đề xuất còn quá sơ sài, chưa đúng trọng tâm.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
4.10	Cần có quy hoạch xây dựng một số cảng sông lớn, có sự kết nối với đường sắt, các phương tiện giao thông, tăng cường giao thông thủy. Việc xây dựng đập dâng trên sông Hồng vào năm 2026 sẽ tạo điều kiện tốt cho giao thông thủy trong mùa kiệt từ biển lên đến Hoà Bình và gần tới Lào Cai.	Tiếp thu ý kiến. - Trong BCTH về định hướng phát triển đường thủy đã đề cập đến việc đầu tư, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa, bao gồm các tuyến quan trọng như: Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai; tuyến Hải Phòng Việt Trì; Hòa Bình - Sơn La - Lai Châu,... Đồng thời quy hoạch các cụm cảng hàng hóa và cụm cảng hành khách bao gồm Cụm cảng Phú Thọ, Tuyên Quang, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái - Việc kết nối cụm cảng với đường sắt cũng đã được đề cập như kết nối cụm cảng Việt Trì với đường sắt Hà Nội - Lào Cai, cũng như các kết nối với các tuyến đường sắt chuyên dùng khác đến các tuyến Hà Nội - Đồng Đăng, Yên Viên - Lào Cai
4.11	Tiêu chuẩn về nước sạch cần thống nhất trên phạm vi cả nước như nhau về tiêu chuẩn, không phân biệt thành phố và nông thôn. Giá nước sạch nên tính đúng, tính đủ và có bù giá đối với một số vùng đặc biệt khó khăn.	Hiện theo QCVN 07-1:2016/BXD, yêu cầu về chất lượng cấp nước cho sinh hoạt được chia ra hai đối tượng cụ thể là đô thị và nông thôn. Trong 21 yếu tố chất lượng nước, 2 khu vực này chỉ khác nhau 4 yếu tố (độ cứng, độ ôi hóa, sắt, mangan). Tuy nhiên, các yêu cầu 4 yếu tố này đều nằm trong giới hạn cho phép, đảm bảo sức khỏe cho người dùng. Về giá nước sạch, thống nhất quan điểm nên tính đúng, tính đủ và có bù giá đối với một số vùng đặc biệt khó khăn.
B	Ý kiến góp ý của các Bộ, ngành	

I	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
1	Vụ Khoa Giáo ngày 05/12/2023	
1.1	Đối với Báo cáo tổng hợp quy hoạch Vùng	
1.1.1	Nhận xét chung:	
a	Cần làm rõ được vai trò, vị trí của Quy hoạch Vùng trong mối liên hệ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch các tỉnh trong Vùng. Chức năng, tầm quan trọng của Quy hoạch vùng đối với Quy hoạch các địa phương trong Vùng.	Vai trò, vị trí của Quy hoạch Vùng trong mối liên hệ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch các tỉnh trong Vùng. Chức năng, tầm quan trọng của Quy hoạch vùng đối với Quy hoạch các địa phương trong Vùng đã được xác định rõ trong Nghị định 37/2019 của Thủ tướng chính phủ.
b	Dự thảo Quy hoạch vùng chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa làm nổi bật được những vấn đề mang tính then chốt, định hướng trong phát triển Vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
c	Dự thảo Quy hoạch không nên quá dài, đề nghị rút gọn, đưa ra một số nét mang tính trọng tâm, trọng điểm, định hướng chung trong phát triển của Vùng đến năm 2030, tầm nhìn 2050.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
1.1.2	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	
a	Quy hoạch vùng chưa gắn với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành. Do vậy, cần rà soát lại những lợi thế của từng tỉnh, trên cơ sở đó xác định lợi thế của vùng để xác định quan điểm, trọng tâm phát triển của vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
b	Lĩnh vực khoa học và công nghệ đề cập rất mờ nhạt, chưa được thể hiện trong quan điểm phát triển của vùng trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng khoa học và công nghệ trong nâng cao năng suất lao động.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
c	Trong quy hoạch vùng chưa đánh giá thực trạng phát triển về lĩnh vực này cũng như cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, nhân lực khoa học	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch cập nhật.

	và công nghệ, mối liên kết giữa viện, trường, doanh nghiệp trong thúc đẩy chuỗi giá trị và đổi mới sáng tạo.	
d	Đối với các dự án ưu tiên đầu tư ngành khoa học và công nghệ được thể hiện trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư của quy hoạch (1) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp vùng, (2) đầu tư cho một số tổ chức khoa học và công nghệ có tính trọng điểm vùng: Dự án hiện mới đề cập đến tên dự án, nhưng chưa làm rõ sơ bộ mức kinh phí dự án, địa điểm đầu tư, nguồn kinh phí đầu tư. Đề nghị bổ sung các nội dung sơ bộ này phù hợp với nội dung thuyết minh trình bày tại trang 578. Bên cạnh đó, đối với các dự án ngành khoa học và công nghệ, đề nghị cần xác định rõ quan điểm thúc đẩy huy động các nguồn vốn ngoài nhà nước, hướng tới tăng tính tự chủ của các trung tâm, tổ chức khoa học và công nghệ này sau đầu tư.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
1.1.3	Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo	
a	Về nội dung đánh giá thực trạng phát triển giáo dục đào tạo (từ trang 171 đến trang 182) Để hoàn thiện Quy hoạch, đề nghị Ban soạn thảo báo cáo đánh giá bổ sung một số nội dung, cụ thể như sau: Chất lượng nguồn nhân lực, cơ cấu ngành nghề đào tạo, cấp trình độ đào tạo so với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Đánh giá sự phù hợp của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp hiện có với tình hình phân bố dân cư, quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
b	Về danh mục dự án ưu tiên thực hiện (trang 586): Tại danh mục dự án ưu tiên thực hiện, ngành giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có 02 dự án: Đầu tư 01-02 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; Đầu tư nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu cho Trường Đại học Tây Bắc, Trường Đại học Hùng Vương,	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	Đại học Thái Nguyên, tuy nhiên tổng mức đầu tư cũng như mức vốn dự kiến bố trí không được đề cập. Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo căn cứ vào khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư, mục tiêu, phương án phát triển hạ tầng giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới, rà soát, tính toán, cân đối nguồn lực đầu tư tương xứng cho ngành giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo tính khả thi của việc triển khai Quy hoạch.	
1.1.4	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
a	Về quan điểm (trang 13) có đề cập đến quan điểm “Bảo đảm sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên; phát triển kinh tế phải hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; thực hiện tái cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường của vùng”. Đối với quan điểm này, cần rà soát, làm rõ các nội hàm, khái niệm về “kinh tế xanh”, “kinh tế tuần hoàn”, “sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên”; “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế” do các khái niệm này có mối quan hệ chặt chẽ, gắn kết và có phần trùng lặp nhau. Đối với nội dung về “thực hiện tái cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn: cần rà soát, đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện định hướng này.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
b	Vấn đề trọng tâm đặt ra cần giải quyết trong quy hoạch vùng (trang 305): Đề nghị rà soát, bổ sung thêm vấn đề cần giải quyết liên quan đến khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, ô nhiễm môi trường cục bộ...như đã nêu trong nội dung về những thách thức lớn đặt ra trong phát triển vùng.	Vấn đề môi trường đã được thể hiện trong các phần liên quan. Xét tổng thể, xin giữ nguyên 03 vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong kỳ quy hoạch
c	Về bối cảnh quốc tế (trang 308): đề nghị rà soát, bổ sung nội dung liên quan đến xu thế gia tăng bất bình đẳng trên toàn cầu; xu thế nghèo đói	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	gia tăng do tác động của xung đột, chiến tranh, suy giảm kinh tế toàn cầu; xu thế về việc toàn cầu không thể hoàn thành các mục tiêu SDGs vào năm 2030.	
d	Về xây dựng và lựa chọn kịch bản phát triển (trang 322): Hiện nay dự thảo đưa ra 3 kịch bản. Tuy nhiên, chưa làm rõ được sự khác biệt của 3 kịch bản. Ngoài ra, dự thảo nhấn mạnh đến các yếu tố làm nổi bật đối với kịch bản tích hợp (cải thiện kết cấu hạ tầng giao thông; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; đẩy mạnh ứng dụng KH&CN;.....) tuy nhiên, các yếu tố này về cơ bản sẽ được xem xét và thực hiện khi triển khai các kịch bản cơ sở và kịch bản cao. Dự thảo quy hoạch nhấn mạnh nhiều đến các vấn đề như kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đồng thời, hiện nay TTCP đã ban hành Chiến lược TTX quốc gia và Kế hoạch hành động TTX quốc gia. Do vậy, đề nghị rà soát, lựa chọn một số định hướng của Chiến lược để lồng ghép vào kịch bản phát triển của vùng, đảm bảo tính liên vùng trong thực hiện TTX.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
e	Về mục tiêu cụ thể đến năm 2030 (trang 337): Cần nhắc bổ sung mục tiêu về giáo dục, do đây là mục tiêu quan trọng đối với vùng do mặt bằng về các chỉ tiêu giáo dục trong Vùng còn thấp hơn so với các vùng khác. Về mục tiêu bảo vệ môi trường: đề nghị rà soát, bổ sung mục tiêu liên quan đến đảm bảo khai thác khoáng sản bền vững để tăng cường công tác bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trong vùng do đây là một mũi nhọn về kinh tế mà vùng sẽ tập trung trong giai đoạn tới (đặc biệt vùng có tiềm năng rất lớn về đất hiếm theo đánh giá hiện nay).	Các mục tiêu cơ bản đã phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 96/NQ-CP và định hướng trong quy hoạch quốc gia và các quy hoạch ngành liên quan.
f	Về hạ tầng khu xử lý chất thải (trang 461): đề nghị làm rõ lý do bố trí 01 khu xử lý chất thải cấp vùng tại địa điểm được lựa chọn, khả năng kết nối, phối hợp với các khu xử lý chất thải tại các địa phương trong vùng, cách thức vận hành, quản lý khu xử lý chất thải cấp vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

g	Về phương hướng xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở (trang 501): Mục tiêu cụ thể đặt ra trong công tác giảm phát thải khí nhà kính đến năm 2050: đề nghị rà soát đưa ra các mục tiêu của vùng thay vì liệt kê và đưa ra các mục tiêu của quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính (tại mục 7.1 và 7.2). Về giảm phát thải trong từng lĩnh vực cụ thể (trang 503): đề nghị rà soát, điều chỉnh các nội dung để phù hợp với vùng do các nội dung đưa ra là các nội dung ở tầm quốc gia.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối
1.2	Đối với Báo cáo ĐMC	
1.2.1	Nội dung về đánh giá môi trường (trang 70): phân hiện trạng và chất lượng môi trường (đất, không khí) cần đánh giá trên phương diện vùng để đảm bảo tính tổng thể.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
1.2.2	Đề nghị bổ sung hiện trạng chất thải rắn, nước thải của Vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
1.2.3	Nội dung báo cáo tập trung quá nhiều vào liệt kê hiện trạng về kinh tế-xã hội-môi trường, song chưa làm rõ tác động lên môi trường của các phương án đưa ra trong quy hoạch.	Đã bổ sung chỉnh sửa
1.2.4	Đối với nội dung tại Chương 3 về đánh giá tác động của Quy hoạch lên môi trường:	
a	Nội dung đánh giá còn sơ sài, chủ yếu liệt kê các nội dung, chưa xác định được mức độ tác động lên môi trường, đặc biệt về mặt định lượng.	Báo cáo ĐMC chủ yếu chỉ đưa ra các nhận định và đánh giá mang tính định tính, các đánh giá định lượng đã được tính toán tuy nhiên với vùng rất rộng và các phương án quy hoạch cũng không có con số cụ thể nên rất khó có thể định lượng về mặt tác động
b	Nội dung đánh giá chưa gắn với các kịch bản được đưa ra trong báo cáo tổng hợp quy hoạch, đặc biệt là kịch bản tích hợp mà Quy hoạch lựa chọn.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định

1.2.5	Đối với nội dung về giải pháp (Chương 4 trang 354)	
a	Đối với giải pháp chung liên quan đến các nội dung về tăng trưởng xanh: đề nghị rà soát để đưa ra các mục tiêu, nội dung phù hợp với đặc trưng của vùng, đề nghị không sử dụng các mục tiêu chung của Quốc gia để đưa vào mục tiêu/giải pháp của Vùng vì không phù hợp.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
b	Các nội dung giải pháp còn chung chung, chưa đảm bảo tính cụ thể, khả thi cho việc thực hiện Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
II	Bộ Ngoại Giao tại công văn số 6406/BNG-THKT ngày 07/12/2023	
1	Về Báo cáo tổng hợp	
1.1	Về căn cứ lập quy hoạch (trang 17-23), đề nghị bổ sung Quyết định số 1199/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1201/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
1.2	Do vùng trung du và miền núi phía Bắc là một trong những khu vực địa chính trị, kinh tế trọng yếu của cả nước, phía Bắc tiếp giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, phía Nam và phía Đông Nam giáp vùng đồng bằng sông Hồng và khu vực Bắc Trung Bộ, do đó, đề nghị cân nhắc lồng ghép một số nội dung sau để đạt mục tiêu tăng trưởng: (i) Thúc đẩy phát triển kinh tế vùng biên, kinh tế cửa khẩu, tăng cường thương mại với các địa phương biên giới của Lào và Trung Quốc, đặc biệt là tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; (ii) Gắn kết và triển khai đồng bộ hội nhập kinh tế của khu vực trung du và miền núi phía Bắc với vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ; (iii) Tận dụng triệt để hiệu quả các FTA song phương và đa phương mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là các FTAs thế hệ mới như RCEP, CPTPP...	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung

1.3	Về văn hóa, đề nghị bổ sung : (i) Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và Non nước Cao Bằng (các danh hiệu đã được UNESCO ghi danh) vào lĩnh vực du lịch tự nhiên; (ii) Các di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO ghi danh như Hát Then, Xòe Thái... vào lĩnh vực du lịch văn hóa.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
1.4	Đề nghị rà soát và thống nhất đơn vị diện tích được sử dụng trong toàn bộ hồ sơ Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
1.5	Đề nghị rà soát và bổ sung “nguồn trích dẫn” tại một số bảng, biểu để bảo đảm tính xác thực và độ tin cậy của thông tin, số liệu.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
2	Về bản đồ: Đề nghị rà soát và bổ sung đầy đủ các tọa độ (đường kinh tuyến và vĩ tuyến) trong từng bản đồ theo quy định.	Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa hồ sơ bản đồ
III	Bộ Quốc phòng tại Công văn số 3847/TM-TC ngày 30/11/2023	
1	Việc lập và tích hợp các nội dung quy hoạch chuyên ngành: Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan lập Quy hoạch vùng cần tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành được giao tổ chức lập nội dung quy hoạch chuyên ngành tại Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, để thống nhất việc tổ chức lập, thẩm định, chuyển giao và lựa chọn phương án tích hợp; hoặc trên cơ sở các Hợp phần quy hoạch tương ứng do các bộ, ngành đã lập và chuyển giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, để kế thừa, tích hợp vào Quy hoạch vùng ở phạm vi và mức độ phù hợp; đồng thời Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành để xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, tránh chồng chéo và phù hợp với phạm vi, tính chất, mức độ của Quy hoạch vùng.	Thống nhất ý kiến góp ý. Hiện nay các nội dung trong dự thảo quy hoạch đã đảm bảo thống nhất cơ bản với nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia có liên quan

2	<p>Phần VIII: Phương hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh trong Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt của Hồ sơ Quy hoạch vùng; đề nghị bổ sung thêm một khổ vào sau khổ 1 như sau: “ - Kết hợp chặt chẽ phát triển KT-XH với xây dựng thể trận khu vực phòng thủ, trên cơ sở cập nhật, tích hợp đầy đủ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên phạm vi cả nước được xác định tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo của Chính phủ tại văn bản số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 và văn bản số 430/TB-VPCP ngày 23/10/2023 về rà soát, cập nhật, tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên quốc phòng vào hệ thống quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
IV	Bộ Công An tại Công văn số 4489/BCA-ANKT ngày 12/12/2023	
1	Ý kiến tham gia chung	
1.1	<p>Hiện nay, 02 quy hoạch ngành quốc gia do Bộ Công an chủ trì lập đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gồm: Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 và Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023. Do đó, đề nghị rà soát, hiệu chỉnh số liệu, đảm bảo nội dung tích hợp 02 quy hoạch ngành quốc gia do Bộ Công an lập vào nội dung quy hoạch các vùng.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
1.2	<p>Đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch 05 vùng, đề nghị bổ sung phần căn cứ pháp lý và kỹ thuật để thực hiện đánh giá</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định</p>

	<p>môi trường chiến lược một số văn bản như: Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/01/2021 của Bộ Y tế quy định về chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.</p>	
2	<p>Đối với quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc</p>	
2.1	<p>Về nội dung quy hoạch sử dụng đất an ninh: Báo cáo tổng hợp quy hoạch vùng chưa có số liệu hiện trạng đất an ninh, quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 và tầm nhìn sử dụng đất an ninh đến năm 2050. Đề nghị bổ sung số liệu đất an ninh trong quy hoạch vùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiện trạng đất an ninh là 3.851ha. + Quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 là 6.149ha. + Định hướng sử dụng đất an ninh đến năm 2050 là 7.107ha. 	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.</p>
2.2	<p>Về nội dung quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:</p>	
2.2.1	<p>Báo cáo tổng hợp quy hoạch vùng đã có nội dung về phương án quy hoạch phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy phù hợp với định hướng Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, hiệu chỉnh lại nội dung về phương án phân vùng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đảm bảo thống nhất với số liệu được phê duyệt tại Phụ lục I, Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023. (Theo Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023, tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc,</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý</p>

	có 02 địa phương trung tâm về phòng cháy và chữa cháy là Thái Nguyên và Sơn La, tuy nhiên trong báo cáo quy hoạch vùng nêu 02 địa phương trung tâm là Thái Nguyên và Lào Cai).	
2.2.2	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã có nội dung quy hoạch phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy. Bộ Công an thống nhất với nội dung quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong dự thảo Quyết định phê duyệt tại hồ sơ trình thẩm định.	Thống nhất với ý kiến góp ý.
2.3	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải pháp về phát triển du lịch như sau: “Tính toán mô hình du lịch qua biên giới gắn với khu kinh tế cửa khẩu, tuyến du lịch trong vùng nhằm thu hút khách trong nước và quốc tế, tuy nhiên phải đảm bảo các yếu tố về an ninh, trật tự an toàn xã hội”.	Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý
V	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
1	Ngày 07 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 9490/BTNMT-KHTC gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến với Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp tục rà soát, tiếp thu các nội dung đã góp ý tại Công văn nêu trên.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
2	Đối với các nội dung liên quan đến quản lý sử dụng đất đai: Về chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến 2025 của 14 tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022	Các nội dung liên quan đến phương án phân bổ và sử dụng đất không thuộc phạm vi của quy hoạch vùng theo quy định
2.1	Thực hiện Công điện số 360/CĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao	Các nội dung liên quan đến phương án phân bổ và sử dụng đất không thuộc phạm vi của quy hoạch vùng theo quy định
2.2	Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025, trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía	Các nội dung liên quan đến phương án phân bổ và sử dụng đất không thuộc phạm vi của quy hoạch vùng theo quy định

	Bắc, căn cứ kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất, ngày 03 tháng 11 năm 2023 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 89/TTr-BTNMT trình Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 1175/CĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, trong đó đề nghị tiếp tục thực hiện việc đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương, làm cơ sở đề xuất điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025, đồng thời có ý kiến về phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-BTNMT ngày 03 tháng 11 năm 2023.	
2.3	Đề nghị Cơ quan được giao nhiệm vụ lập quy hoạch vùng tiếp tục phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh trong Vùng để rà soát, cập nhật bổ sung các chỉ tiêu sử dụng đất khi được Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống quy hoạch được quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch.	Các nội dung liên quan đến phương án phân bổ và sử dụng đất không thuộc phạm vi của quy hoạch vùng theo quy định
3	Về lĩnh vực tài nguyên nước	
3.1	Về cơ bản đã bổ sung các nội dung góp ý liên quan đến Phương hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên nước, lưu vực sông trên lãnh thổ vùng vào dự thảo tờ trình thẩm định quy hoạch vùng, phụ lục báo cáo tiếp thu ý kiến Bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương, tuy nhiên, cần thuyết minh rõ cách thức tiếp thu, nội dung tiếp thu tương ứng theo từng nội dung góp ý.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối
3.2	Hồ sơ còn thiếu dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch, đề nghị bổ sung và cập nhật đầy đủ các nội dung đã tiếp thu liên quan đến Phương	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối

	hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên nước, lưu vực sông trên lãnh thổ vùng vào dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.	
4	Về môi trường trong quy hoạch vùng	
4.1	Về mục tiêu bảo vệ môi trường: đề nghị bám sát nội dung, định hướng của Nghị quyết số 81/2003/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bổ sung các nội dung cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể Quốc gia về các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, vùng hạn chế phát triển. Bổ sung mục tiêu thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó đưa ra định hướng các khu xử lý chất thải xử lý bằng công nghệ đốt cần tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt QCVN 61-MT:2016/BTNMT; bổ sung mục tiêu về tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý.	Tiếp thu chỉnh sửa
4.2	Tiếp tục rà soát lại nội dung phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Trong đó, chú trọng nội dung tích hợp các nội dung bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quan trắc môi trường đang được trình thẩm định trong các quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và quan trắc môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
4.3	Nội dung đánh giá hiện trạng về xử lý CTR đã nêu trên địa bàn toàn vùng chưa có khu xử lý chất thải nguy hại nên CTR y tế và CTR nguy hại phát sinh chủ yếu được hợp đồng thu gom và xử lý bởi các đơn vị có chức năng đã được cấp phép. Vì vậy đối với phương hướng Hạ tầng khu xử lý chất thải cần rà soát nghiên cứu nội dung này. Đối với đề xuất bố trí 01 khu xử lý chất thải cấp vùng là Khu xử lý chất thải Sông Công cần bổ	Cần thu thập bản dự thảo QH bảo vệ môi trường quốc gia cập nhật nhất để xác định về việc quy hoạch khu xử lý CTR cấp vùng tại Sông Công. Trên cơ sở đó sẽ phân tích đánh giá tính phù hợp của khu này

	sung làm rõ tiêu chí lựa chọn; quy mô diện tích tối thiểu; quy mô công suất tối thiểu và phạm vi đối tượng phục vụ của khu xử lý.	
5	Về hệ thống bản đồ	
5.1	Hệ thống bản đồ hiện trạng quy hoạch đang đề ở dạng sơ đồ, chưa đúng theo quy định tại mục VIII phụ lục I Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch. Đề nghị sửa lại theo quy định của bản đồ.	Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa hồ sơ bản đồ
5.2	Bản đồ phải đầy đủ cơ sở toán học và tỷ lệ bản đồ, các ký hiệu trong nội dung bản đồ phải thống nhất với phần ghi chú của bản đồ. Khi biểu thị hình ảnh bản đồ Việt Nam thì phải thể hiện đầy đủ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia đối với vùng biển, hải đảo của Việt Nam quy định của Luật Đo đạc và bản đồ. Thống nhất sử dụng nguồn bản đồ địa hình quốc gia và cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia làm dữ liệu bản đồ nền để thể hiện và thành lập các bản đồ quy hoạch nhằm đảm bảo pháp lý theo quy định cũng như đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các nhiệm vụ quy hoạch khác của địa phương, vùng, liên vùng và cả nước. Bổ sung thêm ghi chú nguồn gốc bản đồ nền “Nguồn CSDL nền địa lý quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa hồ sơ bản đồ
5.3	Ngoài ra bổ sung thêm quy định vào trong Báo cáo tổng hợp, sau khi hoàn thành phải thực hiện việc kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch nêu trên với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đo đạc và bản đồ. Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác.	Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa hồ sơ bản đồ
6	Đối với báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)	

6.1	Rà soát lại phạm vi thời gian thực hiện ĐMC theo quy định tại mẫu 01b, Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trên cơ sở thời gian nhận dạng của các vấn đề môi trường chính.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
6.2	Rà soát lại các vấn đề môi trường chính được lựa chọn, lưu ý đến điều kiện đặc thù của vùng, các định hướng phát triển theo từng khu vực do vùng Trung du và miền núi phía Bắc có địa hình đồi núi, độ dốc lớn, chịu tác động của các điều kiện thời tiết cực đoan và tai biến thiên nhiên.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
6.3	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung về dự báo xu hướng biến động của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện và thực hiện Quy hoạch cần thực hiện trên cơ sở lựa chọn lại các vấn đề môi trường chính và thứ tự ưu tiên được xác lập.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
6.4	Bổ sung các vấn đề về định hướng bảo vệ môi trường, chương trình quản lý và giám sát môi trường còn chưa có nội dung cụ thể.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
6.5	Bổ sung đầy đủ các nội dung tham vấn và phân kết luận, kiến nghị, cam kết theo quy định tại mẫu 01b, Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo ĐMC sau hội nghị thẩm định
VI	Bộ Xây dựng tại Công văn số 5689/BXD-QHKT ngày 11/12/2023	
6.1	Ý kiến chung:	
6.1.1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát các thành phần và nội dung hồ sơ tuân thủ quy định hiện hành, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, chỉ tiêu phát triển tại các Nghị	Tiếp thu ý kiến góp ý.

	quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các văn bản chỉ đạo trên; cũng như các kế hoạch, quy hoạch (quốc gia, vùng, tỉnh) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đề nghị cơ quan lập rà soát, đánh giá cập nhật các cơ sở pháp lý, đảm bảo sự thống nhất đối với các cấp độ quy hoạch.	
6.2	Đối với các nội dung đã được tiếp thu giải trình:	
6.2.1	Đối với phần đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn và khu chức năng: Đề nghị bổ sung việc đánh giá công tác thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị và các quy hoạch ngành khác có liên quan; đánh giá vị trí, vai trò và chất lượng các đô thị có tính chất liên vùng, đô thị động lực; xem xét các vấn đề đặc thù, những bất cập, tồn tại để có cơ sở xây dựng mục tiêu, định hướng, tiêu chí phù hợp với điều kiện của vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung, làm rõ thêm báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
6.2.2	Về định hướng cấu trúc tổng thể: Về cơ bản đề xuất phân tiểu vùng là dựa trên cơ sở của các vùng Tây Bắc và Đông Bắc, việc phân các tiểu vùng trên phải làm rõ tính kế thừa những định hướng đã có, đồng thời xác định rõ các yếu tố mới có tác động phân tách, định hướng các tiểu vùng, nhằm nâng cao và phát huy những thế mạnh của từng khu vực.	
6.2.3	Định hướng tổ chức không gian phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Trên cơ sở lựa chọn các đô thị có tính chất, quy mô cấp vùng (đô thị loại I, II), đề nghị làm rõ những định hướng về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vai trò về an ninh quốc phòng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung, làm rõ thêm báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
6.2.4	Đối với đề xuất thị xã Phú Thọ (tỉnh Phú Thọ) lên đô thị loại II trước năm 2030, thành phố Lạng Sơn mở rộng (trong đó sáp nhập toàn bộ huyện Cao Lộc vào thành phố Lạng Sơn) định hướng đến năm 2025 hoàn thành các tiêu chí của đô thị loại II, lên đô thị loại I sau năm 2030 là không khả thi (do nhiều chỉ tiêu, tiêu chí sau khi sáp nhập không đạt theo quy định hiện hành); đề nghị rà soát, cân nhắc về tính khả thi của các đề xuất trên, trên cơ sở tính toán thời gian, nguồn lực, nguồn vốn đầu tư hạ	Phương án tổ chức hệ thống đô thị 2030 hiện đang phù hợp với QĐ 241 Ttg ngày 22/4/2021 Phê duyệt Kế hoạch đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030, và Nghị quyết 96/NQ-CP, trên cơ sở Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị: xây dựng Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn trở thành các cực tăng trưởng, hạt nhân quan trọng

	tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị để đáp ứng các yêu cầu về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, loại đô thị đối với thị xã Phú Thọ và thành phố Lạng Sơn (mở rộng). Đối với các đô thị được đề xuất nâng cấp, mở rộng cần được nghiên cứu, đánh giá trên cơ sở khoa học, phù hợp Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2023- 2025 của các địa phương trong vùng, tuân thủ các quy định hiện hành về nâng cấp đô thị, về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đảm bảo theo yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	trong phát triển kinh tế vùng, và Dự thảo Hồ sơ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của Bộ Xây dựng (https://moc.gov.vn/vn/Pages/chitietduthao.aspx?iDuThao=358).
VII	Bộ Tài chính tại Công văn số 13424/BTC - NSNN ngày 05/12/2023	
7.1	Đối với cơ cấu nguồn vốn ngân sách thực hiện quy hoạch:	
7.1.1	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư “ ... xác định chi tiết cơ cấu nguồn vốn ngân sách (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch ... ”.	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
7.1.2	Theo giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư {Phụ lục 2 - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch (trang 16, trang 17)}: “ ... Quy hoạch vùng sẽ tập trung xác định cơ cấu nguồn vốn phân kỳ theo từng giai đoạn, không chi tiết theo từng năm để đảm bảo tính khả thi, có thể thực hiện trong cả giai đoạn (phần kì 5 năm) thực hiện Quy hoạch”.	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
7.1.3	Bản dự thảo quy hoạch (kèm theo Văn bản số 9587/BKHĐT- QLQH ngày 16/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chưa xác định cơ cấu vốn ngân sách (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương). Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tiếp thu ý kiến nêu trên của Bộ Tài chính để hoàn thiện quy hoạch.	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
VIII	Bộ Giao thông Vận tải	

	<i>Chưa nhận được góp ý từ Bộ Giao thông Vận tải.</i>	
IX	Bộ Công thương	
	<i>Chưa nhận được góp ý từ Bộ Công thương.</i>	
X	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10.1	Về báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý:	
10.1.1	Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 7594/BNN-KH ngày 23/10/2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (góp ý lần 1), tuy nhiên nhiều mục chỉ ghi chung chung, không nêu rõ tiếp thu, bổ sung tại mục nào, trang nào. Qua kiểm tra thì một số nội dung vẫn còn chưa tiếp thu[1], đề nghị cần hoàn thiện lại báo cáo giải trình, đảm bảo tiếp thu giải trình đầy đủ tất cả các ý kiến góp ý của Bộ.	
10.2	Về báo cáo tổng hợp quy hoạch:	
10.2.1	Về giải pháp phát triển ngành nông nghiệp:	
a	- Lâm nghiệp và dịch vụ Lâm nghiệp của Vùng đứng thứ nhất so với các vùng khác, nhưng tổ chức không gian phát triển lĩnh vực lâm nghiệp trong quy hoạch chưa thực sự rõ nét ở tầm không gian vùng để nhìn thấy một ngành kinh tế lâm nghiệp thực sự. Song song với lâm nghiệp thì du lịch nông nghiệp cũng là một lợi thế không hề nhỏ của vùng. Đề nghị có những giải pháp, định hướng rõ nét hơn trong quy hoạch vùng đối với các lĩnh vực này.	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
b	- Hiện nay, Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia đang trong quá trình rà soát sau thẩm định, đề nghị trong quá trình rà soát hồ sơ, thường xuyên cập nhật dự thảo mới nhất để tích hợp vào quy hoạch vùng, đảm bảo đồng bộ, cụ thể gồm: Định hướng quy hoạch lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng của vùng; định hướng khai thác rừng; số liệu về lĩnh vực lâm nghiệp của vùng...	Tiếp thu, sẽ tiếp tục rà soát theo dự thảo QH Lâm nghiệp mới nhất

c	- Về phát triển các khu nông, lâm nghiệp công nghệ cao: báo cáo đã bổ sung thông tin theo góp ý của Bộ, tuy nhiên cần rà soát tại trang 355 để loại bỏ những nội dung trùng lặp giữa các đoạn văn.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
d	- Tại trang 450 và 489 đều tồn tại mục “phương án và giải pháp phòng chống lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất và bờ sông” có nội dung giống nhau, đề nghị loại bỏ nội dung thừa.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối
e	- Tại trang 450 và 490 có nội dung “tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 khoảng 58-60%”, đề nghị sửa lại thành “tỷ lệ che phủ đạt khoảng 54-55% vào năm 2030” cho phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết 11-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
10.2.2	Nghị quyết 11 đã xác định đưa Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp; Tuyên Quang trở thành trung tâm sản xuất và chế biến gỗ và hiện nay 2 địa phương đang phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT để xây dựng Đề án cụ thể, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện. Vì vậy cần phải có nhưng định hướng cơ bản về không gian phát triển, giải pháp cụ thể cho mục tiêu này, đặc biệt là về vùng nguyên liệu, hạ tầng logistic phải mang tính vùng, không nên đề từng tỉnh xác định.	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung làm rõ
10.2.3	Phương hướng phát triển khu vực nông thôn của Vùng: Để đạt được mục tiêu 80% tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (năm 2023 mới đạt 48%) đòi hỏi phải có sự thay đổi rất lớn trong đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Vì vậy cần bổ sung thuyết minh chi tiết hơn việc thúc đẩy quá trình xây dựng NTM, đặc biệt là ở địa bàn khó khăn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới đó là hỗ trợ xây dựng NTM cấp thôn/bản và phát triển du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
10.2.4	Về phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH:	

a	Thiên tai là thách thức lớn nhất của vùng. Tuy nhiên quy hoạch vùng chưa thể hiện rõ, chi tiết phân vùng rủi ro thiên tai cụ thể (mới chỉ đề cập một số việc cần tiếp tục làm để phân vùng rủi ro thiên tai) để từ đó có định hướng, phương án bố trí sắp xếp dân cư cũng như tổ chức không gian phát triển các ngành lĩnh vực, đảm bảo thích ứng, an toàn trước thiên tai.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối
10.2.5	Phương hướng xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở chỉ nêu số liệu ở cấp quốc gia, chưa đề cập đến số liệu hoặc đóng góp của Vùng đối với kế hoạch. Vùng đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ và lưu giữ cacbon nhờ diện tích lớn: 5,4 triệu ha (chiếm 36,5% diện tích rừng cả nước), trong đó có 1,65 triệu ha rừng trồng và 3,74 triệu ha rừng tự nhiên.	Tiếp thu ý kiến, sửa trong bản cuối
10.3	Về hệ thống bản đồ:	
10.3.1	Ngành Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng, tạo tiền đề phát triển công nghiệp, dịch vụ của Vùng. Tuy nhiên hệ thống bản đồ mới chỉ có bản đồ về phương hướng phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các lớp thông tin về quy hoạch đất đai, vùng trồng, khu nông lâm nghiệp công nghệ cao, hệ thống công trình thủy lợi.	Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa hồ sơ bản đồ
XI	Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 4678/BKH-CN-ĐTGT ngày 08 tháng 12 năm 2023	
11.1.1	Về nội dung và bố cục của quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc:	
a	- Đề nghị rà soát để bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều 26 Luật Quy hoạch; Điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

b	- Các mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển cần bám sát Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
11.1.2	Căn cứ lập quy hoạch:	
a	- Báo cáo đã phân thành các nhóm văn bản như: nhóm văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ; nhóm văn bản quy phạm pháp luật; nhóm văn bản liên quan đến Vùng. Tuy nhiên, các văn bản đề cập trong từng nhóm chưa chính xác, ví dụ trong nhóm văn bản quy phạm pháp luật đề cập đến Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022... không phải là văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
b	- Đề nghị rà soát lược bỏ các văn bản đã hết hiệu lực như Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch đã được thay thế bằng Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
11.1.3	Về quan điểm phát triển (trang 335):	
a	Theo đánh giá về tài nguyên của vùng (trang 60) vùng Trung du miền núi phía Bắc là vùng có diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn nhất nước, tài nguyên rừng là một lợi thế lớn của vùng, đồng thời là lá phổi xanh cho toàn vùng Bắc bộ. Do vậy trong quan điểm phát triển cần nhấn mạnh nội dung bảo vệ môi trường làm nền tảng, phát triển hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng KH&CN, nhất là thành tựu của cuộc cách	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định

	mạng lần thứ 4 trong phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của Vùng.	
11.1.4	Về định hướng phát triển các ngành có lợi thế (trang 348):	
a	Dựa trên các tiêu chí (trang 340) và phương pháp phân tích Thương số vị trí (trang 341) để lựa chọn các ngành có lợi thế gồm: Điện tử, Công nghiệp bán dẫn, Lâm nghiệp, Dịch vụ (trang 347)... Tuy nhiên, tại nội dung phát triển các ngành có lợi thế còn đề cập đến định hướng phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ chung chung, chưa nêu được định hướng phát triển trọng tâm vào các ngành lợi thế như đã xác định. Đề nghị rà soát và bổ sung.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ làm rõ thêm trong báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
11.1.5	Về nội dung Khoa học và Công nghệ (KH&CN):	
a	- Về hiện trạng KH&CN (trang 193): nội dung Báo cáo thể hiện mới mang tính liệt kê mà chưa đưa ra đánh giá chung về hoạt động KH&CN của Vùng trong giai đoạn vừa qua, những kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cũng như xác định các điểm nghẽn để làm cơ sở xây dựng định hướng phát triển KH&CN của Vùng trong thời kỳ quy hoạch. Bên cạnh đó, đề nghị xem lại nhận định Vùng có tỷ lệ cán bộ với trình độ trên đại học cao nhất cả nước.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
b	- Tại Công văn số 4049/BKH&CN-ĐT&G, Bộ Khoa học và Công nghệ đã lưu ý nội dung bổ sung đánh giá về hiện trạng kết cấu hạ tầng KH&CN, tuy nhiên nội dung này chưa được tiếp thu, bổ sung. Đề nghị bổ sung nội dung này tại mục 4. Kết cấu hạ tầng (trang 245).	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
c	- Bên cạnh việc đưa ra phương hướng phát triển các ngành có lợi thế mà Vùng đã xác định nêu tại mục 4, đề nghị bổ sung phương hướng phát triển nhóm ngành lĩnh vực xã hội như KH&CN, Giáo dục và Đào tạo... để bảo đảm quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc mang tính tích hợp. Trong đó, đối với định hướng phát triển KH&CN cần xác định được mục tiêu phát triển KH&CN của Vùng, các định hướng phát triển như	

	mạng lưới tổ chức KH&CN, hoạt động nghiên cứu ứng dụng, nguồn nhân lực KH&CN,... phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của các địa phương trong Vùng và phát huy vai trò của hoạt động KH&CN trong thời kỳ quy hoạch. - Đề nghị bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng KH&CN vào mục IV. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng vùng (trang 427) theo góp ý tại Công văn số 4049/BKH&CN-ĐT&G.	
d	- Về phương hướng xây dựng các khu công nghệ cao: theo quy định tại mục d khoản 2 Điều 26 Luật Quy hoạch, việc xây dựng các khu công nghệ cao cần được xác định ngay trong quá trình lập quy hoạch Vùng. Do vậy, đề nghị rà soát nhu cầu của các địa phương trong vùng để đưa ra định hướng trong quy hoạch (nếu có).	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
e	- Về giải pháp KH&CN (trang 596): ngoài 06 giải pháp đã nêu, đề nghị bổ sung một số giải pháp như thu hút nguồn lực đầu tư cho KH&CN, phát triển nguồn nhân lực KH&CN có trình độ và chuyên môn phù hợp với đặc thù của Vùng, phát triển hạ tầng KH&CN ... nhằm phát huy vai trò của KH&CN đối với sự phát triển chung của vùng Trung du miền núi phía Bắc.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
11.1.6	Về Danh mục dự án và thứ tự đầu tư:	
a	Đề nghị rà soát theo tiêu chí ưu tiên (có đầy đủ ý kiến góp ý của các Bộ/ngành và địa phương) nhằm đảm bảo hiệu quả, khả thi về nguồn lực, phù hợp với lộ trình xây dựng vùng Trung du miền núi phía Bắc và theo đúng quy định hiện hành.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
11.1.7	Một số góp ý khác:	
a	- Đề nghị chuyển mục tiêu lập quy hoạch tại mục V. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch (trang 14) lên mục IV. Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc lập quy hoạch cho đúng nội hàm quy định.	

b	- Bổ sung chú thích các từ viết tắt sử dụng trong toàn bộ Báo cáo quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
11.1.8	Đề nghị tiếp tục rà soát và tiếp thu các ý kiến góp ý tại Công văn số 4049/BKH-CN-ĐT-G	
11.2	Ý kiến góp ý đối với dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc:	
11.2.1	Tại Khoản d Mục 1 Phần IV Điều 1 Phương hướng phát triển hạ tầng cấp thoát nước và xử lý nước thải (trang 29) đề nghị chỉnh sửa thành “Phát triển hệ thống cấp nước đảm bảo cấp nước ổn định cho sản xuất công nghiệp và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong vùng; ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt để cấp nước sinh hoạt đáp ứng TCXDVN33:2006 và TCVN 13606:2023” vì Hệ thống TCVN theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chỉ có 02 cấp tiêu chuẩn quốc gia (ký hiệu TCVN) và tiêu chuẩn cơ sở (ký hiệu TCCS), không tồn tại cấp tiêu chuẩn ngành.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định
11.2.2	Mục 1 Phần VI Điều 1 Phương hướng liên kết bảo vệ môi trường (trang 33) đề nghị chỉnh sửa: “Buộc các cơ sở đầu tư các công trình BVMT và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn Quốc gia/quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; khuyến khích áp dụng các hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO14001” .	Tiếp thu, chỉnh sửa
11.2.3	Đề nghị bổ sung định hướng phát triển KH&CN và định hướng phát triển hạ tầng KH&CN vùng Trung du miền núi phía Bắc bảo đảm KH, CN & ĐMST của vùng đáp ứng được nhu cầu phát triển của của vùng, nhất là đối với vấn đề an ninh, quốc phòng. Bên cạnh đó cần phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng của thị trường KH&CN; Phát triển các sản phẩm công nghệ kết nối các sản phẩm công nghệ trong vùng Trung du miền núi phía Bắc để liên kết với sản phẩm quốc gia; xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu và nền tảng kỹ thuật tích hợp dùng chung về thị trường	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

	KH&CN, từng bước liên thông, tích hợp với các nền tảng kỹ thuật về thị trường KH&CN trong nước và quốc tế. Thiết kế và ứng dụng các công cụ phân tích, thống kê, số hóa và xử lý dữ liệu công nghệ; quản trị giao dịch và kết nối cơ sở dữ liệu vùng của thị trường KH&CN.	
11.2.4	Về giải pháp KH&CN (mục 3, Khoản X, Điều 1 trang 44):	
a	- Tại gạch đầu dòng đầu tiên đề nghị nghiên cứu bổ sung: “Chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc,... để gia tăng giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản; đẩy nhanh chuyển giao và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ canh tác hữu cơ, bền vững, thân thiện môi trường thích hợp với biến đổi khí hậu”	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
b	- Tại gạch đầu dòng thứ ba, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung: "Tập trung đầu tư phát triển.... theo mô hình tiên tiến của thế giới. Đầu tư, nâng cao năng lực cho các trung tâm có chức năng ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng; các tổ chức cung cấp dịch vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại các khu kinh tế trọng điểm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng. Phát triển hạ tầng thông tin, dịch vụ, cơ sở thử nghiệm,... hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ. Phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
c	- Đề nghị bổ sung nội dung “Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ: thúc đẩy nguồn cung - cầu của thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
11.2.5	Đối với Phụ lục kèm theo:	

a	- Tại mục 7, Phần C đề nghị điều chỉnh như sau "Tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực cho các trung tâm có chức năng ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng". Lý do: Hiện nay tại các tỉnh đều đã có trung tâm thực hiện chức năng ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, do đó cần phát huy, khai thác các cơ sở hiện có để tiến tới hình thành trung tâm cấp vùng, đóng vai trò điều phối, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực. Mặt khác, bản thân các trung tâm đã có chức năng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nên không cần tách biệt giữa "đổi mới sáng tạo" và "khởi nghiệp đổi mới sáng tạo".	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
b	- Đề nghị xem xét bổ sung nội dung “Hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các Chương trình/ Đề án/ Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Tăng cường xây dựng phát triển hạ tầng chất lượng vùng Trung du và miền núi phía Bắc”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
XII	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	Chưa nhận được góp ý từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
XIII	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	
13.1	Ngày 24/10/2023, Bộ LĐTBXH đã có Công văn số 4491/LĐTBXH-KHTC về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch vùng TDMNPB thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cơ bản các ý kiến tham gia đã được cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung hoặc làm rõ trong Báo cáo tổng hợp quy hoạch. Quy hoạch vùng TDMNPB đã tích hợp đầy đủ phương án phát triển các cơ sở hạ tầng xã hội thuộc quy hoạch ngành quốc gia do Bộ LĐTBXH chủ trì thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý.
13.2	Tại điểm II.3. Các quy hoạch, chiến lược, chương trình phát triển cấp quốc gia (trang 4-11): Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung sau hội nghị thẩm định

	kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.	
13.3	Về phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù	
13.3.1	Tại điểm 1.1. Hiện trạng phát triển kinh tế, các ngành kinh tế (trang 64) và 1.2. Hiện trạng phát triển xã hội (trang 155): Báo cáo giải trình của cơ quan lập quy hoạch đã nêu những nội dung góp ý của Bộ LĐTBXH đã được trình bày trong Báo cáo tổng hợp. Tuy nhiên, nội dung liên quan đến lao động, việc làm tại các điểm 1.1.2.2, 1.2.1.3 chưa thực sự đầy đủ. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, bổ sung một số thông tin, đánh giá kỹ hơn về lực lượng lao động trong độ tuổi; cơ cấu lao động theo giới tính, nhóm tuổi; đánh giá về tác động, ảnh hưởng của quy mô lực lượng lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động đến năng suất lao động (vì các yếu tố tăng năng suất lao động và tăng lao động có ảnh hưởng đến tăng trưởng GRDP của vùng); tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; phát triển thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động các địa phương trong vùng Trung du, miền núi phía Bắc và các vùng khác như Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng... (hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các sàn giao dịch việc làm...); vấn đề dịch chuyển lao động ra bên ngoài để làm rõ hơn về chuỗi cung ứng lao động, nhất là nhân lực chất lượng cao trong thời gian qua của vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
13.3.2	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đánh giá về hiện trạng mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ).	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
13.4	Phương hướng phát triển vùng TDMNPB thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	

13.4.1	Tại khoản 3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030 (từ trang 336-338): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung chỉ tiêu “Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội” vào các mục tiêu về phát triển kinh tế và chỉ tiêu “Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội” vào các mục tiêu phát triển về xã hội để thống nhất với cả nước và bảo đảm cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo cơ cấu kinh tế.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
13.4.2	Tại tiểu mục 3.4.1 Mạng lưới trợ giúp xã hội (trang 473) và tiểu mục 3.4.3 Mạng lưới cơ sở tiếp nhận nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (trang 475): Báo cáo tổng hợp đã xây dựng phương án phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội và nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng bao gồm số lượng, quy mô, cơ sở vật chất, diện tích sử dụng. Tuy nhiên, quy hoạch được lập cho cả giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nên đề nghị không đưa suất vốn đầu tư các cơ sở này trong báo cáo tổng hợp để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu chỉnh sửa sau hội nghị thẩm định
13.4.3	Tại tiểu mục 3.4.5. Mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm (trang 477): Đề nghị tham khảo Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030. Trong đó có nội dung về quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm phù hợp với thị trường lao động của từng vùng, từng tỉnh; tập trung đầu tư phát triển các Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc các địa phương là trung tâm của 6 vùng kinh tế xã hội theo hướng vừa là trung tâm của tỉnh, vừa là nơi thực hiện các giao dịch việc làm, kết nối thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động của vùng và kết nối các vùng với nhau.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
XIV	Bộ Thông tin và Truyền thông	
14.1	Đề nghị Ban Soạn thảo tiếp tục nghiên cứu các ý kiến đã góp ý của Bộ Thông tin và Truyền thông để bổ sung vào dự thảo Báo cáo quy hoạch và	Thống nhất với ý kiến góp ý

	Quyết định phê duyệt Quy hoạch, do những nội dung góp ý này đều là nhằm cụ thể hóa các nội dung liên quan đến lĩnh vực thông tin và truyền thông trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch Hạ tầng Thông tin và Truyền thông, Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	
14.2	Đề nghị đơn vị chủ trì tiếp tục rà soát, thống nhất thời điểm lấy số liệu mới nhất năm 2022 làm căn cứ để đánh giá hiện trạng. Hiện nay, xuyên suốt dự thảo Quy hoạch, có nhiều thông tin về hiện trạng hạ tầng thông tin và truyền thông và hiện trạng mạng lưới báo chí (trang 276)...)... đều là những thông tin cũ, sơ sài và được đánh giá tại các năm khác nhau 2020, 2021, 2022 dẫn đến việc đánh giá thông tin chưa được đồng bộ, ảnh hưởng đến việc đánh giá và nhận định sẽ không chính xác	Tiếp thu và tiếp tục rà soát chỉnh lý hồ sơ
14.3	Về dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch:	
14.3.1	Trong quan điểm phát triển KTXH của vùng (Phần II, mục 1, khoản, trang 2) cần có nội dung liên quan đến chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung vào quan điểm phát triển KTXH (trang 2) như sau: “Phát triển bền vững...theo hướng hài hòa với tự nhiên, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn...”.	Tiếp thu và bổ sung theo ý kiến góp ý
14.3.2	Về mục tiêu phát triển kinh tế vùng đến năm 2030 (trang 4): Đề nghị bổ sung chỉ tiêu kinh tế số: “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030 đạt 20-30%” vào mục tiêu phát triển kinh tế vùng đến năm 2030 (trang 4)	Tiếp thu và bổ sung theo ý kiến góp ý

14.3.3	Về mục tiêu phát triển xã hội đến năm 2030 (trang 4): Đề nghị bổ sung chỉ tiêu về xã hội vùng đến năm 2030 (trang 4): “Trung bình mỗi người dân có 01 tài khoản điện toán đám mây, điện thoại thông minh ”	Tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung phù hợp
14.3.4	Về các nhiệm vụ trọng tâm (trang 5):	
a	- Tại khổ 1, trang 5, điểm a: Các nhiệm vụ trọng tâm: đề nghị điều chỉnh nội dung: “...Xây dựng, nâng cấp sân bay, hạ tầng logistics, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, các khu du lịch và hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số hiện đại, thông minh để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số...”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
b	- Tại khổ 1, trang 7, điểm b, đột phá về liên kết vùng, đề nghị bổ sung nội dung: “Triển khai chuyển đổi số toàn diện, tổng thể ở mọi mặt, mọi lĩnh vực của kinh tế-xã hội vùng. Phát triển và đẩy mạnh triển khai nền tảng số dùng chung, thúc đẩy cộng tác và hợp tác dựa trên các yếu tố dữ liệu, ra quyết định và đa dạng hóa dịch vụ dựa trên tài nguyên dữ liệu”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
c	- Khổ 3, trang 7, điểm b, đột phá trong thúc đẩy cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, có lợi thế đặc thù, đề nghị bổ sung nội dung: “...từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn...” và “...với cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả công tác quản trị, giám sát, điều hành kinh tế, quản trị xã hội trên không gian tích hợp thực - số, nhằm phát triển kinh tế đi đôi với góp phần ổn định chính trị...”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
14.3.5	Về phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông (trang 30):	
a	- Đề nghị sửa các cụm từ “hạ tầng mạng lưới thông tin truyền thông” thành “hạ tầng thông tin và truyền thông” để phù hợp và đồng bộ với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định

b	- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, thông minh và đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng - xã hội khác để tăng hiệu quả đầu tư, sử dụng hiệu quả tài nguyên vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
c	- Xây dựng hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng công nghệ như dịch vụ và các nền tảng số có tính hạ tầng, trong đó: Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (5G) trên phạm vi toàn vùng. Nâng cấp hạ tầng Internet, tối ưu hóa bố cục cấu trúc mạng.. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) bao gồm xây dựng thành phố thông minh, nhà máy thông minh, giao thông vận tải... để phục vụ cho việc phát triển kinh tế số và xã hội số;	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
d	- Kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số quy mô quốc gia phục vụ cho chuyển đổi số trên địa bàn vùng. Hình thành Trung tâm dữ liệu lớn vùng và Trung tâm chuyển đổi số vùng, tập trung các doanh nghiệp số, phát triển, thí điểm các giải pháp số, sản phẩm số, bồi dưỡng nguồn nhân lực số của vùng để lan toả đến các địa phương trong vùng. Các doanh nghiệp công nghệ số và các chủ quản hệ thống thông tin trong vùng để làm chủ và phát triển công nghệ về giám sát, đảm bảo an toàn thông tin mạng cho chính quyền số, kinh tế số và xã hội số phát triển bền vững.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
e	- Khuyến khích ưu tiên đầu tư hạ tầng thông tin và truyền thông tại khu vực biên giới trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ dịch vụ viễn thông băng rộng, phủ sóng điện thoại di động và cố định cho vùng biên giới, gắn phát triển dịch vụ viễn thông với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội .	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
f	- Mở rộng mạng lưới bưu chính phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng các trung tâm bưu chính vùng tại Phú Thọ, Sơn La và Thái Nguyên, tích hợp các giải pháp công nghệ hiện đại nhằm tối ưu hóa hoạt	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định

	động giao nhận, vận chuyển cho thương mại điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh về logistics, chú trọng khai thác hạ tầng bưu chính để phát triển các dịch vụ mới nhằm mở rộng hệ sinh thái dịch vụ bưu chính.	
g	- Phát triển hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung phục vụ sản xuất phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, các sản phẩm điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại các địa phương Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
h	- Tổ chức các cơ quan báo chí trong vùng theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng. Xây dựng và phát triển một số nhà xuất bản trọng điểm có ảnh hưởng lớn, phân bố hợp lý, hình thành mạng lưới cơ sở phát hành xuất bản phẩm đến cấp huyện, xã. Chú trọng các xuất bản do người dân tộc sản xuất trong khu vực bản địa. Sử dụng các nền tảng công nghệ số tương tác với người dân và bảo đảm cung cấp thông tin và người dân được tiếp cận thông tin, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Hầu hết các địa phương có cửa khẩu quốc tế thiết lập cụm thông tin đối ngoại phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại, góp phần ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ nghiên cứu bổ sung sau hội nghị thẩm định
14.3.6	Về Phần Phụ lục:	
a	Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung các dự án liên quan tới phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng thông tin và truyền thông vào Danh mục các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện của vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm đồng bộ với dự thảo Quy hoạch hạ tầng ngành thông tin và truyền thông, sẵn sàng phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, cụ thể: - Nhóm dự án phát triển chuyển đổi số vùng: Giai đoạn 2021-2030; - Nhóm dự án phát triển kinh tế số vùng: Giai đoạn 2021-2030; - Nhóm dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin: Giai đoạn 2021-2030 và sau năm 2030;	Tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát bổ sung

	- Nhóm dự án phát triển các trung tâm bưu chính vùng: Giai đoạn 2021-2030 và sau năm 2030.	
14.3.7	Đối với Sơ đồ Quy hoạch:	
a	Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung sơ đồ về phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông về tổ chức không gian theo ý kiến góp ý tại Mục 2 của công văn này.	Tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa hồ sơ bản đồ
XV	Bộ Tư pháp tại Công văn số 5633/BTP-PLDSKT ngày 17/11/2023	
15.1	Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch vùng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Trung Du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 495/QĐ-TTg và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo đúng yêu cầu tại Điều 26 Luật Quy hoạch, Điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023).	Thống nhất với ý kiến góp ý
15.2	Đối với các nội dung chi tiết của Quy hoạch vùng Trung Du và miền núi phía Bắc, đây là những vấn đề mang tính chuyên môn, kỹ thuật; không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, do đó, Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham khảo ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong Quy hoạch vùng Trung Du và miền núi phía Bắc (trong đó có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược) để đảm bảo sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành, giữa các địa phương trong vùng; phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia (Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/1/2023 của Quốc hội); tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy hoạch và pháp luật có liên quan;	Thống nhất với ý kiến góp ý

	phù hợp với Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	
15.3	Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 37/2019/NĐ- CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2023/NĐ-CP), trường hợp quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an (nếu có).	Thống nhất với ý kiến góp ý
15.4	Khoản 7 Điều 3 Luật Quy hoạch quy định: “Quy hoạch vùng là quy hoạch thể hóa quy hoạch quy hoạch tổng thể quốc gia ở cấp vùng về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, xây dựng vùng liên tỉnh, kết cấu hạ tầng, nguồn nước lưu vực sông, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối các tỉnh”. Khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch quy định: “Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia”. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát toàn bộ nội dung Quy hoạch vùng Trung Du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo phù hợp và cụ thể hóa đầy đủ theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/1/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Thống nhất với ý kiến góp ý
XVI	Bộ Nội vụ tại Công văn số 7121 /BNV - CQĐP ngày 04/12/2023	
16.1	Về căn cứ lập quy hoạch (Phần Mở đầu dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ): Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.

16.2	Về phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn (khoản 2 Mục IV Điều 1 Quyết định của Thủ tướng và Mục IV Phần III Báo cáo tổng hợp)	
a	Đề nghị bổ sung nội dung định hướng về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, cụ thể là: Tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã theo chủ trương của đảng và quy định của pháp luật, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu phát triển.	Nội dung này không thuộc phạm vi quy hoạch vùng theo quy định và sẽ được xử lý ở quy hoạch cấp tỉnh.
b	Đề nghị bổ sung về định hướng phát triển đô thị vừa và nhỏ, đồng thời xác định rõ vị trí, vai trò của các đô thị lớn đối với vùng và từng tiểu vùng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
c	Trang 396 Báo cáo tổng hợp định hướng thành phố Điện Biên Phủ là đô thị trung tâm của vùng. Tuy nhiên, tại trang 20 dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ định hướng các trung tâm đô thị của vùng không có thành phố Điện Biên Phủ. Theo đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, chỉnh sửa bảo đảm thống nhất định hướng phát triển đô thị vùng Trung du và miền núi phía Bắc trong hồ sơ quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
16.3	Về giải pháp thực hiện quy hoạch	
a	Đề nghị bổ sung giải pháp về đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực theo hướng bám sát các nội dung, định hướng về công tác cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.	Tiếp thu và sẽ tiếp tục rà soát bổ sung
XVII	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
	<i>Chưa nhận được góp ý từ Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	
XVIII	Bộ Y tế tại Công văn số 7912/BYT-KHTC ngày 08/12/2023	
18.1	Một số ý kiến thẩm định về Báo cáo tổng hợp:	

18.1.1	Đối với ý kiến góp ý số 1.3: Ban soạn thảo đã bổ sung nội dung về thực trạng phân bố không gian và khả năng tiếp cận của người dân, tuy nhiên chưa phân theo tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc. Đề nghị bổ sung phân tích theo tiểu vùng, làm cơ sở đề xuất Bệnh viện đa khoa tỉnh đảm nhận chức năng vùng trong mỗi tiểu vùng.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
18.1.2	Đối với ý kiến góp ý số 3: Các nội dung về website, camera an ninh không thuộc phạm vi của ứng dụng công nghệ thông tin trong cung ứng dịch vụ y tế. Đề nghị phân tích cụ thể hơn về sự đáp ứng của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế đối với yêu cầu khám chữa bệnh từ xa, đào tạo, chuyển giao và hỗ trợ kỹ thuật giữa các tuyến; và kết quả thực hiện của các công tác này.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
18.1.3	Đối với ý kiến góp ý số 5: Đề nghị rà soát lại số liệu trong Bảng 86 và nội dung phần mô tả số liệu; hiện đang có sự chênh lệch về số liệu năm 2020. Xem lại căn cứ và sự phù hợp của kết luận về “số giường bệnh và số bác sỹ vượt yêu cầu”.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
18.1.4	Đối với ý kiến góp ý số 8.2: Ban soạn thảo đã đề xuất tất cả Bệnh viện đa khoa và Bệnh viện chuyên khoa đảm nhận chức năng vùng được đề cập trong Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
18.1.5	Ngoài ra, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thông tin về thực trạng của lĩnh vực giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần; bổ sung số trang, số mục của các nội dung đã chỉnh sửa vào nội dung giải trình; rà soát lại các lỗi chính tả.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
18.4	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Đề nghị rà soát các nội dung quy định về “hạ tầng y tế” (trang 32) để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với dự thảo quy định hệ thống cơ sở y tế mà Bộ Y tế đang hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
XIX	Ủy ban Dân tộc	

19.1	Danh mục hồ sơ: Đã bảo đảm đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch; Khoản 11 Điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Thông nhất với ý kiến góp ý
19.2	Đối với Hồ sơ Báo cáo Quy hoạch, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 26 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 27 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
19.3	Đề nghị bổ sung Bảng danh mục chữ cái viết tắt.	Tiếp thu ý kiến góp ý và sẽ bổ sung vào báo cáo quy hoạch sau hội nghị thẩm định.
19.4	Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội: đề nghị phân tích sâu về “phát triển kinh tế xanh và bền vững”, “kinh tế tuần hoàn”, “kinh tế số” trong đó cần làm rõ lợi thế, hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển trong dài hạn của nền kinh tế, đặc biệt là tỷ trọng của khoa học, công nghệ, vốn, chất lượng nguồn nhân lực trong sự phát triển.	Nội dung này cơ bản đã được thể hiện trong phần đánh giá các ngành, lĩnh vực liên quan. Tổ soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát và bổ sung phù hợp